

HOÀ THƯỢNG THÍCH TRÍ HẢI

 Hội ký thành lập
HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

THÍCH TRÍ HẢI



Hoà thượng THÍCH TRÍ HẢI (1906 - 1979)

" Vượt qua những trở ngại khó khăn để đạt tới kết quả như ý nếu không có chí kiên trì và lòng dũng cảm sẽ không thể nào đưa tới thành công được. "

Hòa Thượng Thích Trí Hải

Mục Lục



Chân dung tác giả	2
Trang kế	3
Mục Lục	4
Thay lời tựa	5
Lời nói đầu	7
Quá trình hình thành Hội Phật Giáo Việt Nam 1934	8
Thời kỳ thứ nhất : Lục hòa tịnh lữ	9
Thời kỳ thứ hai : Phật học tùng thư	16
Thời kỳ thứ ba : Chùa Quán Sứ - Hội Bắc kỳ Phật giáo	18
Thời kỳ thứ tư : Hội Phật giáo Việt Nam	38
Thời kỳ thứ năm : Tổng hội Phật giáo Việt Nam	43
Thời kỳ thứ sáu : Giáo Hội Tăng già Việt Nam	48
Kết luận	54
Nhân duyên xuất gia	57
Ai cảm	60

THAY LỜI TỰA

Phật giáo và dân tộc như hình với bóng, cùng nhau trải qua bao nỗi thăng trầm của lịch sử. Nếu như dân tộc phải chịu bao nhiêu tang thương thì trang sử Phật cũng đọng lại bấy nhiêu nước mắt. Phật giáo đồng cam cộng khổ, cùng chung vận mệnh với dân tộc Việt.

Thập niên ba mươi của thế kỷ XX, đất nước bắt đầu quyết tử cho một nước Việt Nam độc lập, thì Phật giáo cũng chuyển mình để phục quang giáo hội. Phong trào chấn hưng Phật giáo ra đời.

Nói đến phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc không thể không kể đến cố Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Hải, người đã nuôi hoài bão chấn hưng Phật giáo từ năm mới bước chân vào cửa Thiền ở tuổi 19. Rồi từ đó cho đến khi nhẹ nhàng xả báo thân ở tuổi 74, ngài đã tận tâm, tận lực trong việc hưng long Tam bảo, phụng sự chúng sanh. Dù phải trải qua bao nhiêu gian nan, cay đắng ngài vẫn luôn lạc quan hy vọng một tương lai xán lạn của Phật giáo, với tấm lòng kiên trinh như tấm kéo tơ lòng để dệt nên trang sử Phật cũng là trang sử Việt.

Thế hệ trẻ hôm nay hầu như không còn cơ duyên để diện kiến những bậc cao tăng trong phong trào chấn hưng Phật giáo nói chung, cố Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Hải nói riêng, nên chưa thể cảm nhận được phong cách đĩnh đạc, kỳ vĩ, xuất trần thượng sĩ của quý ngài, lại càng chưa thể hiểu được giá trị to lớn mà quý ngài đã cống hiến cho Đạo pháp, cho dân tộc. Phải tái hiện lại hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, chính trị, kinh tế... của Việt Nam cách đây gần 100 năm, vào thời kỳ Việt Nam còn rên xiết dưới gót giày của thực dân xâm lược, thời kỳ mà con người phải đi chuyển bằng đôi chân trần của chính mình chứ không phải nhờ vào động cơ

THÍCH TRÍ HẢI

của khoa học, và phải thờ bằng hơi thở của cha ông thời đó chứ không phải thời hiện đại với đầy đủ tiện nghi vật chất thì mới cảm nhận được "hào khí lãng vân" của tiền nhân và mới thấy được bao gian lao, khó nhọc mà quý ngài phải chịu đựng trong công cuộc phục hưng Phật giáo.

Hình như từ trước đến nay chưa từng có vị cao tăng nào viết hồi ký cả. Các ngài đến với cuộc đời này rồi ra đi với tâm niệm: "Pháp còn bỏ huống hồ phi pháp". Nhưng trong cuộc đời biến hóa khôn lường Sắc Sắc Không Không này, "Có thì có tự may may". Phải có cái Có mới hiểu được cái Không, phải có Giả mới hiểu được Chân nên Hồi ký của cố Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Hải là ngón tay đưa ta tìm về ánh trăng huyền diệu của Phật sử. Lại nữa, Hồi ký của cố Đại lão Hòa Thượng được viết với tâm chân thành của bậc đại sĩ dẫn thân trên con đường tìm sự phục hưng cho Phật pháp, an lạc cho dân tộc, một tư liệu đáng quý biết bao!

Hồi ký được ghi lại bởi chính người trong cuộc, chứng nhân của lịch sử. Và không chỉ là chứng nhân mà còn là tác nhân của lịch sử, là người đã góp phần làm nên lịch sử: Lịch sử Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Hồi ký truyền lại cho thế hệ sau kinh nghiệm thực tiễn của tiền nhân trong việc phụng sự Đạo pháp và dân tộc, chỉ cho thế hệ sau biết rằng vẫn còn nhiều điều mà tiền nhân chưa thể thực hiện được vì hoàn cảnh khách quan nào đó; những công việc ấy cần được tiếp tục hoàn thiện bởi lớp người đi sau nếu muốn nói đến việc phát huy Phật giáo, và một trong những sự việc trọng đại đó là việc đào tạo tăng tài.

Trên từng trang hồi ký, người đọc có thể tìm thấy những nỗi trăn trở, day dứt của tác giả; đó là cái Tâm của tiền nhân, cái Tâm mà đại thi hào Nguyễn Du đã nói "Chữ *tâm* kia mới bằng ba chữ *tài*". Chính thiện Tâm ấy đã giúp tiền nhân phụng sự Đạo pháp một cách quên thân mình, quên cả bao cay đắng, khát khe của thời cuộc.

Chính cái Tâm - tấm lòng son ấy - sau bao cuộc bể dâu, vẫn mãi mãi tồn tại trong tâm khảm thế hệ con cháu hôm nay và mai sau:

"Trăm năm còn lại tấm lòng mà thôi."

Vĩnh Nghiêm, ngày 18 tháng 11 năm 2002

Hậu học Giác Dũng
cúi đầu cẩn bút

LỜI NÓI ĐẦU

Từ trước đến nay trong giới Phật giáo cũng như các bậc trí thức ở ngoài có nhiều vị đọc cuốn "Việt Nam Phật Giáo Sử Lược" của Thượng Tọa Mật Thể biên soạn, thấy trong chương X ghi: " Ở Bắc có tôi (Trí Hải) cùng các vị Tăng Ni cư sĩ thành lập Hội Phật Giáo Việt Nam.

Phong trào chấn hưng Phật giáo đã có trên 50 năm nay, bắt nguồn từ Trung Quốc. Do ảnh hưởng đó, nước ta có Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học thành lập ở Sài Gòn năm 1931; Hội An Nam Phật học thành lập ở Huế năm 1932. Mãi cuối năm 1934 ở Hà Nội mới thành lập Hội Bắc Kỳ Phật giáo.

Do đó, nhiều vị muốn tìm hiểu nguyên nhân thành lập Hội Phật giáo Việt Nam đã đề nghị tôi ghi chép lại để người sau biết được nguồn gốc sự việc.

Quá trình thành lập Hội Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến nay đã trải qua bao diễn biến phức tạp: thuận lợi cũng có mà trở ngại cũng nhiều. Trong khi đó, trí nhớ của tôi hiện nay lại có hạn. Song, không viết thì lại sợ phụ lòng những vị yêu mến. Nên tôi cố gắng sưu tầm trong sách vở của các hội Phật giáo trước và nhớ lại những việc chính tôi đã tham gia thực hiện, cũng như những điều mắt thấy tai nghe trong Phật giáo để viết thành cuốn sách nhỏ này; ước mong đền đáp phần nào sự quan tâm tha thiết và khuyến khích của quý vị. Nhưng cũng không sao tránh khỏi thiếu sót, mong chư vị thấy chỗ nào chưa ổn, thể lòng từ bi hỷ xả mà chỉ chính. Xin chân thành cảm ơn!

Viết tại Hải Phòng,
Ngày 19 tháng 5 năm Ất Tị (1965),

Trí Hải

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM (1934)

Quá trình thành lập Hội Phật giáo Việt Nam (1934-1958) mà chính tôi đã tham gia góp phần thực hiện, có thể được chia làm sáu thời kỳ như sau:

I. Thời kỳ thứ nhất: Lục hòa tinh lữ 7

II. Thời kỳ thứ hai: Phật học tùng thư

III. Thời kỳ thứ ba: Chùa Quán Sứ - Hội Bắc Kỳ Phật giáo

IV. Thời kỳ thứ tư: Hội Phật giáo Việt Nam

V. Thời kỳ thứ năm: Tổng Hội Phật giáo Việt Nam

VI. Thời kỳ thứ sáu: Giáo Hội Tăng Già Việt Nam

HỒI KỶ THỨ NHẤT:

LỤC HÒA TỊNH LŨ

Hai năm sau khi xuất gia tức năm 1924, bước vào tuổi 19, tôi mới được học về phân nghi thức tụng niệm lễ bái thông thường hằng ngày. Song nhờ được học ít chữ Hán từ trước nên cũng hiểu đại khái đôi chút nghĩa lý trong các kinh sách và các bài tụng niệm mà tôi đã học.

Tôi nhận thấy tinh thần Phật giáo rất thiết thực, lợi ích cho tất cả chúng sinh trong đời hiện tại và vị lai như bài phát nguyện trong khóa lễ buổi sáng sớm có câu: "*Tật dịch thể nhi hiện vi dược thảo cứu liệu trầm kha, cơ cận thời nhi hóa tác đạo lương tế chư bản nổi, dẫn hữu lợi ích vô bất hưng sùng*". Nghĩa là: "Gặp lúc người đời bị đau ốm nặng, nguyện hóa ra thuốc men để cứu chữa, khi nhân dân đói khổ, nguyện hóa ra lúa gạo để giúp đỡ, bất cứ việc gì đem lại lợi ích cho chúng sinh đều làm cả.". Nguyện thứ 11 trong *Kinh Dược Sư*: "Nếu những chúng sinh bị đói khát khổ não, vì tìm kiếm miếng ăn mà phải gây ra tội ác, trước hết ta hãy đem các thứ ăn uống rất ngon lành làm cho thân thể được no đủ rồi sau mới đem những phương pháp màu nhiệm dạy bảo cho được hoàn toàn sung sướng yên vui". *Kinh Địa Tạng* dạy: "Còn có chúng sinh nào ở nơi khổ não (địa ngục) thì ta không thành Phật v.v...".

Trên đây chỉ trích dẫn vài ba câu chữ chưa nói đến nghĩa lý cao sâu màu nhiệm trong thiên kinh vạn quyển vốn không thể nào tả xiết cho được. Song rất tiếc là đọc tụng toàn bằng Hán văn nên có nhiều người đọc tụng hằng ngày cho đến thuộc lòng mà không hiểu nghĩa lý ra sao, không biết đọc tụng để làm gì. Trừ một số rất ít các vị cao tăng trí thức, còn phần đông tự mình không hiểu thấu nghĩa lý chân chính để tu hành tự lợi và giáo hóa cho người giác ngộ. Như thế thì làm gì

THÍCH TRÍ HẢI

mà không đưa nhau vào con đường mê tín dị đoan, làm ảnh hưởng xấu cho toàn thể Phật giáo?

Cứ xem ngay hình thức của Phật giáo hiện nay. Tuy mỗi làng có một ngôi chùa, có làng tới hai, ba, bốn, năm ngôi; trừ những nơi danh lam cổ tự ra, còn hầu hết đã biến tướng rất nhiều, không còn thuần túy là Phật giáo nữa. Từ nơi thờ phụng cho đến nghi thức lễ bái, không đâu giống đâu. Không những thờ Phật, Bồ tát mà còn thờ tất cả Thánh Thần; thậm chí có nơi còn thờ cả hổ, rắn, chó đá, bình vôi v.v... ; trong nhà không thờ hết đem ra cả ngoài sân, gốc cây.

Nếu có các bậc trí thức hay người ngoại quốc nào tới tham quan, khảo cứu và hỏi vị trụ trì ở những nơi đấy thì không biết vị trụ trì ấy sẽ trả lời ra sao? Có những cảnh tượng đáng tiếc này chẳng qua cũng chỉ vì đa số Tăng, Ni thất học. Vì thế cần phải nhanh chóng chấn chỉnh lại. Nếu không, tinh thần Phật giáo không bao lâu nữa sẽ đi đến chỗ diệt vong. Muốn duy trì Phật giáo, muốn bảo tồn tinh thần dân tộc thì trước hết làm thế nào trong giới Tăng Ni phải có nhiều người đủ tài đức để duy trì việc hoằng hóa; phải trừ sạch những điều mê tín dị đoan đã pha trộn vào Phật giáo như tệ hại về vàng mã, đồng bóng chẳng hạn. Phải làm cho tinh thần từ bi, trí tuệ, bình đẳng, dũng mãnh, tinh tiến của Phật giáo được phát huy để bồi bổ cho tinh thần Dân tộc Việt Nam đã có từ ngàn xưa như đời Đinh, Lê, Lý, Trần chẳng hạn. Những thời đại Phật giáo thịnh hành thì khí thế Dân tộc Việt Nam lúc ấy như thế nào? Ai là người hiểu biết đều rõ.

Muốn khôi phục lại những lợi ích chân chính, muốn cải cách, bài trừ những tệ hại dị đoan đã ăn sâu vào trí não của dân chúng, trở thành tập quán lâu đời, nhất là đối với những người chỉ biết tín ngưỡng mà không chịu suy xét là cả một vấn đề nan giải. Thật không phải là việc mà một, hai người trong một thời gian ngắn ngủi có thể làm xong được.

Trải qua bao đời, khắp thành thị đến thôn quê, từ trên rừng xuống dưới biển, ngay đến thâm sơn cùng cốc, không đâu là không có người tin theo Phật giáo. Nay muốn chấn hưng Phật giáo mà không vận động, kết hợp được đại đa số quần chúng đồng tâm hiệp lực, kiên trì chấn chỉnh, tổ chức cho có quy củ, hệ thống hẳn hoi, tất không thể nào thành công được. Cũng có người bảo: Hệ thống tổ chức của Phật giáo xưa nay vẫn có các sơn môn đời đời nối dõi cho tới ngày nay, như thế chả bền vững là gì?

Xem bề ngoài thì có thể thật. Song xét kỹ đến thực chất bên trong thì lại khác hẳn. Tìm hiểu sâu vào vấn đề sơn môn ta sẽ thấy không có gì là vững chắc. Như nhiều người đã thấy: Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, hễ có người đủ tài, đủ đức, được quần chúng tôn sùng ngưỡng mộ thì ở đấy sơn môn được hình thành. Nhưng, nếu ở đấy không có người tài, đức kế tiếp thì sẽ dần dần đi đến chỗ tuyệt tích!

Nay muốn cải tổ cần có phương hướng, mục đích, có tổ chức sâu rộng vững chắc, cần được tất cả các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, ủng hộ mới mong có kết quả

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

thành công. Muốn thế, ban đầu cần phải lập thành một hội công khai có phép tắc hẳn hoi mới dễ bề hoạt động và phát triển.

Với suy nghĩ như vậy, từ đây, ngoài thời giờ học tập, những lúc có việc đi đâu, nhất là đến các đám hội hè hay giỗ tổ, có đông đủ các vị Tăng Ni, tôi đều đem ý kiến về việc chấn hưng Phật giáo nước nhà ra trao đổi. Kiểm điểm lại, trong suốt thời gian sáu năm (1924-1929), ý kiến chấn hưng Phật giáo được rất nhiều vị đồng ý tán thành, cho là nếu làm thành việc này thì không còn gì bằng. Song, các vị cũng nhận định rằng đây là việc rất khó, phải làm thế nào được các cơ quan trên giúp đỡ mới thành tựu được. Chính đức Phật Thích Ca lúc sắp thị tịch cũng còn phó chúc cho quốc vương, đại thần ngoại hộ Phật pháp, hưởng chi bấy giờ đương ở vào thời kỳ mạt pháp: Phật cao một thước, ma cao nghìn trượng, người làm thì ít kẻ phá thì nhiều. Nếu không, có thể bị người ta ghép tội hoạt động hội kín, lại càng nguy hiểm cho các sư. Do vậy, có nhiều vị có lòng hưởng ứng nhưng không dám làm theo.

Thế là nhiều vị tỏ vẻ lo sợ. Chính Sư cụ - Thầy nuôi tôi, thấy tôi hay bàn đến việc này, cũng thường nói với các sư: "Chú ấy (tôi) học hành và chí khí xem cũng khá nhưng không khéo sẽ nguy cho chú ấy".

Vận động với các vị trên suốt năm, sáu năm rồi vẫn không thấy kết quả: Chưa có vị nào chịu đứng ra xây dựng. Chẳng lẽ việc có lợi ích chung cho toàn thể, việc cần phải làm mà đành phải chịu buông bỏ? Như người khát nước ra tới bờ sông, không lẽ lại chịu đứng nhìn rồi quay trở về? Đương khi nghĩ ngợi, tôi sực nhớ đến câu: "Đương nhân bất nhượng ư sư.". Câu này có nghĩa: Việc phải làm, việc tốt, việc nhân nghĩa, việc lợi ích, việc cần làm thì dù là người đệ tử cũng không nhường thầy.

Từ đây chúng tôi quyết chí tìm phương cách thành lập Hội Phật giáo. Nhưng nếu không có phép tắc hẳn hoi thì rất dễ bị ghép tội hoạt động bất hợp pháp và sẽ dẫn đến tan vỡ. Bấy giờ chúng tôi phỏng theo lối tổ chức Hội Liên xã ở các sơn môn vẫn có xưa nay. Đại ý: Góp mỗi người một ít tiền làm vốn cho vay, hằng năm trích ra một số lời để làm một tuần lễ siêu tiến tứ ân phụ mẫu, Chỉ có thể thôi.

Có điều khác là chúng tôi không lấy tên hội. Vì từ "hội" có vẻ to tát quá, nên chúng tôi lấy tên là "Lục hòa tịnh lữ"; có nghĩa là những người trong sạch làm bạn cùng nhau, tu theo Sáu phép hòa thuận của đức Phật:

1. Thân hòa đồng trụ: Thân hòa cùng ở (sống chung tập thể)
2. Khẩu hòa vô tránh: Nói năng hòa nhã, không tranh cãi nhau.
3. Ý hòa đồng duyệt: Một lòng một dạ không trái ý nhau.
4. Kiến hòa đồng giải: Hiểu biết thông cảm nhau.
5. Giới hòa đồng tu: Giữ chung một kỷ luật.
6. Lợi hòa đồng quân: Có gì chia đều nhau cùng hưởng.

A) Mục đích

THÍCH TRÍ HẢI

- 1) Khuyến khích, giúp đỡ nhau về đường tu học.
2. Giúp đỡ nhau trong các công việc cần thiết như khi có sự trường, phụ mẫu mất, cùng giúp nhau trong việc làm chùa, tô tượng, đúc chuông v.v...

Mỗi khi đồng đạo có việc gì, người nào có việc gì thì tất cả mọi người đều coi như là việc của mình, có trách nhiệm trông coi, lo liệu về mọi phương diện, tận tâm, tận lực làm cho thành tựu mà không quản ngại nề hà gì.

B) Tổ chức

Tùy theo địa phương như ở sơn môn hay địa phương nào có từ năm đến mười lăm người thì thành lập riêng một đoàn, nhiều nhất là hai mươi người. Nếu quá hai mươi người lại chia làm đôi để dễ dàng đi lại, liên lạc với nhau. Khi người nào có công việc gì thì tất cả những người trong địa phương ấy trực tiếp lo liệu giúp đỡ mọi việc, còn ở các nơi khác chỉ cử đại biểu đến thôi.

C) Tài chính

Mỗi người góp 5 đồng một năm, chia ra đóng làm bốn kỳ: Tháng giêng 2 đồng, tháng tư 1 đồng, tháng tám 1 đồng và tháng mười một 1 đồng. Ở đâu giữ riêng ở đấy. Khi người nào có việc như trên thì trích ra 5 đồng để mua lễ vật và làm một đôi câu đối mừng hoặc viếng. Chỉ trong phạm vi 5 đồng này thôi. Lạc khoản câu đối đề là "Lục hòa tịnh lữ kính mừng (hay kính viếng)" để tiêu biểu cho tổ chức của đồng bạn.

Đóng góp mỗi năm có 5 đồng mà phải chia ra làm bốn kỳ là vì thời bấy giờ chúng tôi còn làm tiểu ở với thầy, phải bòn dần từng xu, từng hào do các vị trên mừng tuổi hoặc cho mới có; hay đi cúng được tiền hồi hướng chẳng hạn.

Bấy giờ ở sơn môn Tế Xuyên huyện Lý Nhân, Hà Nam chưa được các vị trên hưởng ứng, chỉ mới có tôi là người nhiều tuổi nhất (25 tuổi). Còn các sư bên dưới, có người mới có 15 hoặc 18 tuổi chẳng hạn. Lúc đầu, thấy chúng tôi làm, các vị trên, có nhiều vị còn chế giễu là "Hội trẻ con, hội chấp tác" (lao động phục vụ). Vì chúng tôi không nề hà gì khi đồng bạn có việc.

Mỗi khi có việc chỉ chi tiêu có 5 đồng. Số tiền còn lại chủ yếu dùng để thỉnh kinh sách và giúp đỡ nhau trong việc học tập như giúp đỡ những người đi học xa mà thiếu thôn.

Dần dần, thấy chúng tôi làm việc tích cực, có kết quả trong vài đám, các vị trên cũng có vị hoan hỷ tán thành, hưởng ứng, tham gia như Thượng Tọa Thái Hòa; Sư cụ Thông Thuận ở chùa Hà Mặc; Sư cụ Thanh Lạc ở chùa Vị Hà, Bình Lục; Sư cụ Thanh Lịch, hiện nay ở chùa Hải Trung, Hải Hậu, Nam Hà. Dần dần lan sang Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định; không những riêng bên Tăng mà có nhiều vị bên Ni giới cũng hưởng ứng, tham gia.

Bấy giờ chúng tôi chuyên theo học Hòa thượng Phổ Hải ở chùa Tế Cát (Hà Nam). Những lúc thư nhàn tôi đem việc này thưa lên Hòa thượng. Lúc đầu, Hòa thượng nghĩ là khó, không thể làm được, cho rằng tôi không đủ sức và Hòa thượng khuyên: "Hãy chịu khó học nhiều đi đã.". Nhưng dần dần Hòa thượng cũng hoan hỷ. Chúng tôi liền thỉnh Hòa thượng làm chứng minh cho công việc, được Hòa thượng chấp thuận.

Từ đây, tên "Hội trẻ con và chấp tác" dần dần biến mất và càng ngày càng có nhiều vị hưởng ứng. Năm 1931, được tin Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học thành lập ở Sài gòn, xuất bản báo Từ Bi Âm, chúng tôi liền mua đọc. Thấy trong báo nói có mở trường Phật học để đào tạo các sư thanh niên, tôi liền viết thư vào hỏi điều kiện nhập học như thế nào. Được ít lâu, trong ấy trả lời: "Lúc đầu chưa tổ chức được đầy đủ nên chỉ mới nhận những học sinh là đệ tử của những vị hội viên mà thôi.". Chúng tôi liền trích tiền quỹ ra đóng cho Hòa thượng Phổ Hải gia nhập Hội để lấy đường gửi người vào học sau này. Nhưng chờ mãi vẫn không thấy tin trường mở cửa.

Năm 1932, lại được tin Hội An Nam Phật học thành lập ở Huế và xuất bản báo Viên Âm, tiếng vang khắp trong nước. Lại nữa, các báo chí ở Hà Nội cũng luôn luôn nhắc tới việc chấn hưng Phật giáo. Đọc những tin tức đó, chúng tôi càng hoi hóp, phấn khởi và tin tưởng rằng ước mơ từ lâu của chúng tôi chắc chắn sẽ thành hiện thực. Từ đây, chúng tôi lại càng tích cực đi cổ động khắp các nơi, đem cả báo chí đọc cho các Hòa thượng cùng Tăng Ni. Các vị ấy rất hoan hỷ. Nhiều vị ước mong ngoài Bắc ta cũng mau chóng thành lập được hội Phật giáo. Chúng tôi lại đem công việc mà Lục hòa tịnh lữ làm được thưa cùng các vị. Nghe xong, ai nấy đều hoan hỷ tán thành và hỏi bản quy tắc để các vị tổ chức ngay tại địa phương của mình.

Khi lên Hà Nội, vào thăm các chùa danh tiếng như Bà Đá, Hòe Nhai, Liên Phái v.v... chúng tôi đều trình bày việc chấn hưng Phật giáo. Nhưng bấy giờ chúng tôi còn nhỏ lại vào các chùa lớn nói những việc mới lạ nên có nhiều vị tỏ ý khinh rẻ, cho là viển vông. Các vị ấy nói: "Phật giáo vẫn hưng thịnh, chùa vẫn làm, tượng vẫn tô, chuông vẫn đúc, khách thập phương vẫn đi lại đông đúc, tập nập vui vẻ, có gì sút mẻ đâu mà phải chấn hưng?". Phía tán thành tuy có nhưng rất ít, không bằng các tỉnh nhỏ. Do đó, chúng tôi quay ra tìm sự hợp tác của phía cư sĩ (tại gia).

Đọc báo trung Bắc Tân Văn thấy có ông Lê Toại thường đăng các bài nói về việc chấn hưng Phật giáo, chúng tôi hỏi thăm về ông ta, được biết ông đang làm việc tại Sở Đốc lý – Hà Nội, là người rất thành tâm mộ đạo Phật. Ông đọc sách Phật bằng Pháp văn và Hán văn, có dịch và xuất bản cuốn *Phật học sơ giải*. Chúng tôi bèn tìm đến thăm ông. Mới gặp nhau lần đầu, vừa trao đổi ý kiến đã thấy ý hợp tâm đầu. Ông đưa chúng tôi tới thăm ông Trần Văn Giác, người Trà Vinh, Nam Bộ, ra làm việc ở Sở Thương Chính – Hà Nội. Cả hai vợ chồng đều là người rất mộ đạo Phật, có thờ Phật tại nhà, đều ăn chay và cũng là hội viên Hội Nam Kỳ

Nghiên cứu Phật học. Kế đến, chúng tôi được gặp ông Nguyễn Hữu Kha (Thiền Chủ). Ông là con cụ cử ở Đông Tác. Bây giờ ông đã ngót 30 tuổi mà vẫn không lập gia đình, rất chăm chỉ học Phật và đang dịch bộ *Phật học đại từ điển*. Mới gặp nhau mà hình như đã quen từ bao nhiêu đời trước. Vừa nói đến việc chấn hưng Phật giáo thì ông liền tán thành. Một hôm, ông cùng chúng tôi đến gặp ông Vũ Đình Chung, nhà ở phố Ngô Trăm – Hà Nội, hiện đang làm Hội trưởng Hội Đông Dương liên hữu tương tế (Hội Ái hữu công chức). Ông cũng là người giao thiệp rộng và hay làm việc nghĩa. Khi gặp nhau, chúng tôi nói về việc vận động chấn hưng Phật giáo, ông rất vui vẻ, tán thành và hứa sẽ hết sức phục vụ cho công việc được mau đạt kết quả. Ông còn hứa sẽ vận động trong Hội Đông Dương liên hữu tương tế của ông vì Hội này cũng có rất nhiều người tin theo đạo Phật, nhất là các bạn ở Miên, Lào.

Sau một thời gian đi lại, trao đổi, chúng tôi soạn thảo điều lệ để chuẩn bị xin phép lập hội. Bây giờ thường hay hội họp ở nhà ông Chung. Khi thảo thành điều lệ chung, chúng tôi cũng có bạch với tất cả các cụ Hòa thượng, chư Tăng ở Hà Nội. Bây giờ, có cụ Đình Quang Lạc trụ trì chùa Vũ thạch ở Hà Nội là người giao thiệp rộng vào bậc nhất. Cụ thân với cả Đốc lý và Hoàng Trọng Phu cùng các quan lại khác nên cụ nói gì tất cả các sư ở Hà Nội đều tin theo hết.

Ngay khi mới tới Hà Nội, tôi đã đến ngay chùa Vũ Thạch, đem việc này bàn với cụ. Cụ rất niềm nở và tiếp đón rất nồng hậu. Tuy nhiên, bề ngoài thì cụ hết sức tán thành nhưng trong thâm tâm thì tìm mọi cách ngăn trở không cho thành lập. Cụ thường nói rằng việc này để hỏi ý kiến cụ lớn Võ (Hoàng Trọng Phu) và cụ Thiểu Nguyễn (Nguyễn Năng Quốc) xem các cụ báo sao đã.

Chúng tôi kiên trì đi lại vận động, chờ đợi mãi mà vẫn không thấy tia hy vọng nào. Cuối năm 1932, chúng tôi cương quyết tiến hành, bèn họp nhau tại nhà ông Vũ Đình Chung, cùng ký tên vào bản điều lệ để xin phép và bầu ông Chung làm Hội trưởng. Tin này vừa truyền ra, lập tức Sư cụ chùa Vũ Thạch triệu tập tất cả sư trong các sơn môn ở Hà Nội về chùa Bà Đá để bàn việc đối phó, ngăn cản, quyết không cho chúng tôi thành lập hội. Các cụ cho rằng nếu để cho hội Phật giáo thành lập sẽ khó cho các sư. Bây giờ chúng tôi vẫn đi lại cả hai bên: Cả bên thuận và bên chống. Sau đấy vài hôm, tôi đến chùa Vũ Thạch. Xem ý bên trong cụ không bằng lòng nhưng bề ngoài cụ vẫn tỏ vẻ niềm nở. Vừa gặp tôi, cụ nói: "A! Sư huynh đã đến. Việc này chắc sư huynh biết rõ. Mình phải ngăn họ, không thể để cho họ quấy rối đạo Phật của mình được...".

Biết ý sự đối kháng của cụ đã lên tới cao độ nhưng tôi vẫn tỏ vẻ bình tĩnh, nói: "Bạch cụ con vừa ở Hà Nam lên, chưa biết việc gì cả. Vậy, có việc gì xin cụ hoan hỷ cho con biết."

- Sư huynh chưa biết thật à? Nghe nói bọn mấy người họ đã ký tên vào bản điều lệ để xin phép lập hội Phật giáo rồi đây.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

- Con tin chắc việc này thế nào họ cũng phải thua với chư Tăng nhất là với cụ chứ? Nếu không thì họ làm với ai? Ai là người theo họ?

- Có, có. Họ vẫn đến luôn. Nhưng tôi vẫn bảo họ là để tôi hỏi lại ý các cụ lớn xem sao đã. Chưa đâu ra đâu cả mà họ đã hấp tấp như thế, không khéo sẽ phải ăn com nắm cả lũ cho mà xem (đe là sẽ cho vào tù). Sư huynh có thể tìm hiểu xem công việc của bọn họ làm thế nào, về đây cho tôi biết thì hay lắm.

Tôi lại trở về bàn với bên thuận. Chúng tôi nhận định: Phản ứng của các sư có thể mạnh hơn, việc chúng ta làm có thể không thành, nay cần phải làm thế nào cho mọi người tưởng là chúng ta không làm nữa, để dư luận lắng xuống đã. Cuối cùng đưa ra kế sách: Bề ngoài phao tin là việc làm này đã thôi hẳn rồi nhưng bên trong cứ tiến hành xin phép. Khi được phép thành lập rồi sẽ tuyên bố. Lúc ấy không ai làm gì được nữa.

Chúng tôi bèn cho đánh máy lại tờ cuối cùng của bản điều lệ có ghi tên chức vụ trong ban trị sự lâm thời và ký giả vào đấy để mang đến cho Sư cụ chùa Vũ Thạch xem và nói là bản điều lệ định xin phép đã hủy đi rồi. Chỉ cốt đưa mình Sư cụ chùa Vũ Thạch xem là đủ rồi vì tất cả các sư ở Hà Nội đều tin ở Sư cụ ấy cả.

Làm xong, tôi đem mấy tờ giấy ấy đến trình Sư cụ chùa Vũ Thạch xem và nói rằng việc này đã thôi hẳn rồi, không còn tiến hành nữa, đây là những tờ cuối của bản điều lệ, còn có các chữ ký của ban trị sự đứng ra xin phép đây. Cụ bèn cầm lấy, đeo kính lên xem, và tỏ vẻ đặc ý lắm. Cho là đã phá được việc này, cụ gật gù nói: "May mà có sư huynh. Nếu không thì họ rầy rà các sư và quấy rối đạo Phật chứ bọn họ thì làm gì được. Sư huynh để mấy tờ giấy này ở đây cho tôi...".

Tôi bèn thưa: " Bạch cụ, đây là những tờ giấy bỏ đi, cụ giữ làm gì? Đốt quách đi cho xong.". Nói xong tôi liền cầm diêm đánh, đốt ngay trước mặt Sư cụ. Từ đấy trở đi, mỗi khi đến Hà Nội, tôi rất ít ra vào chùa Vũ Thạch.

Biết công việc còn nhiều trở ngại, khó khăn nhưng tôi vẫn ở lại Hà Nội để tìm phương cách khác. Tôi nghĩ: Thế nào cũng có ngày thành tựu kết quả nên quyết không chịu lùi bước. Cũng như con cá sống, càng bị ngược nước càng cố tiến lên, việc có khó mới là những việc của người có chí lớn: "Thua keo này bày keo khác..".

THỜI KỲ THỨ HAI :

PHẬT HỌC TÙNG THƯ

Hội họp, bàn bạc, trao đổi ý kiến với nhau một thời gian, chúng tôi quyết định thành lập "Phật học tùng thư". Trước hết phiên dịch kinh sách ra quốc ngữ để ấn hành, truyền bá sâu rộng trong quần chúng. Sau khi được nhiều người hiểu biết tán thành, nhân duyên đầy đủ, cơ hội thuận tiện sẽ tiến hành công việc lập hội.

Chuyển sang thành lập Phật học tùng thư, bên xuất gia có Thượng tọa Thái Hòa, Sư ông Hải Châu (Vũ Đình Ứng) và tôi (Trí Hải); bên tại gia có ông Lê Toại, ông Trần Văn Giác và ông Nguyễn Hữu Kha (Thiền Chủ). Tất cả chúng tôi đều cùng chung lo mọi phương diện như khảo cứu, phiên dịch, ấn loát, tài chánh và phát hành v.v...

Về địa điểm: Bây giờ ở Hà Nội không đặt vào đâu được. Các chùa thì không tiện, tại gia lại càng không được. Do đó phải đem về chùa Mai Xá, huyện Lý Nhân, Hà Nam, chỗ chúng tôi đang ở bây giờ.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Từ cuối năm 1932 đến đầu năm 1934: Suốt thời gian này chúng tôi chỉ mới ấn loát được 8 cuốn kinh, sách: Ba cuốn kinh: Địa Tạng, Dược Sư và Phả Môn, mỗi thứ một cuốn và hai cuốn Lịch sử Phật Tổ, mỗi thứ in được 1.000 bản. Sách không bán, chỉ biếu không cho các nhà mộ Đạo. Nếu có ai cúng lại 5, 3 hào hay 1,2 đồng thì đều để trả tiền in và còn in cả tên những người phát tâm vào cuốn sau. Thiếu thốn thì chúng tôi cùng lo liệu.

Vừa học, vừa làm tất cả mọi công việc nhưng chúng tôi vẫn phần khởi tin tưởng vào ngày mai, chúng tôi tin tưởng việc thành lập hội Phật giáo chắc chắn sẽ sớm có ngày thành tựu. Tin tưởng như thế bởi vì khi đưa sách tới đâu thấy người hưởng ứng, tán thành, ủng hộ nhiều hơn là người gièm pha, bác bỏ. Người hưởng ứng cho rằng nhờ kinh sách bằng quốc ngữ mà nhiều người hiểu biết được Phật pháp, biết lối tu thành tiến lên con đường quang minh chính đại, khỏi bị mê lầm đi vào hầm ma ngũ quỷ. Trái lại, những người gièm pha cho rằng làm như thế thì người ta sẽ coi thường kinh sách Phật; cũng như sách vở, giấy tờ khác bằng quốc ngữ, sau khi dùng xong người ta sẽ vất đi hoặc làm bậy.

Trong thời gian này, khi lên Hà Nội, phần nhiều tôi phải ăn nghỉ tại nhà của các ông cư sĩ. Có những hôm mùa Đông giá lạnh, nghỉ ở nhà ông Kha, trải chiếu xuống nền nhà mà nằm, hai người chỉ có một chiếc chăn dạ đỏ mỏng. Bấy giờ ông Kha trông nom giúp người em mở nhà in ở phố Sinh Từ (Hà Nội) lấy tên là Trung Ký. Nói là nhà in nhưng thực ra chỉ là một gian nhà nhỏ vừa đủ chỗ làm việc. Bên trong chỉ có một cái máy nhỏ in được hai trang giấy cỡ 13x25 với một cái bàn kê vở học trò.

Cũng như Phật học từng thư của chúng tôi, ở xa nghe tiếng tưởng chừng ra vẻ lắm, nhưng nếu có ai hiếu kỳ đến tham quan sẽ thấy chỉ có vài tủ sách, một cái may đánh chữ cùng với vài bộ bàn ghế trong mấy gian nhà tranh của một ngôi chùa giữa hạt đồng chiêm.

Tuy thế, vẫn được nhiều người ở thành thị cũng như thôn quê lui tới. Do vậy, chúng tôi đã được gặp những nhà trí thức, nhà văn, nhà báo lúc bấy giờ như những ông: Lê Du, Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Dương Bá Trạc, Nguyễn Văn Vĩnh v.v... Khi gặp nhau, trao đổi về việc thành lập hội Phật giáo nhằm chấn chỉnh lại tinh thần Phật giáo nước nhà thì tất cả mọi người đều nói là đã có hoài bão từ lâu cả rồi nhưng chưa gặp được các sư cộng tác, cũng như chưa có cơ hội thuận tiện. Việc này rất hay, rất cần nhưng phải làm thế nào có ngay cơ sở tại Hà Nội mới dễ bề giao dịch và mới có thể phát triển, khuếch trương được.

THỜI KỲ THỨ BA :

**CHÙA QUÁN SỨ
HỘI BẮC KỲ PHẬT GIÁO**

Tùng thư đặt ở Hà Nam nhưng kinh, sách vẫn phải in trên Hà Nội. Thời gian này, chúng tôi thường đi lại luôn, thỉnh thoảng Thượng Tọa Thái Hòa đưa tôi vào thăm chùa Quán Sứ – Hà Nội. Vị trụ trì ở đây bấy giờ là sư thầy Nguyễn Thị Đoan. Một hôm sư thầy cho biết chùa này sắp phải chuyển ra ngoại ô và nói: "Ở đây Đốc Lý đã xây tường xung quanh, lấp các ao rãnh và đổ đất để làm vườn hoa. Chúng tôi sẽ về bên Bắc. Các vị có cách nào giữ lại được thì chúng tôi xin cúng lại để làm việc Phật ở trên này cho tiện. Chùa này tuy cũ nhưng là một nơi di tích, đất rộng được ngót một mẫu ta (3.400 m²), hai mặt đều là đường phố, ở ngay trước cửa nhà đầu xảo, lại gần ga xe lửa, đi lại rất thuận tiện, Nếu để mất thì hoải."

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Lúc đầu, chúng tôi còn phân vân vì mình làm việc cho toàn thể Phật giáo mà nay lại ở vào chùa đồ nát này, nhất là chùa của sư nữ nhường lại cho, rất dễ bị những người đối lập gièm pha kiểm chuyện...

Chúng tôi liền đem chuyện này bàn với các ông cư sĩ. Ai nấy đều tán thành việc nhận và tái thiết chùa Quán Sứ, nhất là ông Lê Dư (Sở Cuồng). Bấy giờ ông đang làm ở Sở Toàn quyền. Ông nói: "Chùa Quán Sứ chính là nơi di tích lịch sử của nước nhà. Chúng ta có bổn phận phải duy trì, không thể để mất chốn di tích ấy được."

Thế là chúng tôi quyết định nhận chùa Quán Sứ. Nhưng về mặt pháp lý phải làm thế nào cho hợp pháp mới giữ được. Phải là những người có quan hệ mật thiết với chùa như những người làng chẳng hạn thì mới có thể can thiệp được. Chùa Quán Sứ thuộc về làng An Tập. Bấy giờ chỉ còn có hai nhà chú cháu ông Quán Năng, không đủ người thành lập hội đồng làng. Chúng tôi bàn nhau để các ông Lê Dư, Văn Quang Thùy, Nguyễn Văn Canh v.v... nhập tịch vào làng ấy, thành người làng rồi đem ra Sở Đốc Lý chứng nhận. Sau đó, những người trong làng cùng với sư thầy làm giấy nhượng lại chùa cho chúng tôi. Giấy ghi: Ủy quyền cho ông Lê Dư làm quản lý và mời tôi là Đoàn Thanh Tảo (Trí Hải) hiện ở chùa làng Mai Xá huyện Lý Nhân, Hà Nam lên trông coi mọi việc trong chùa để mở mang Phật giáo cho được hưng thịnh; kỳ hạn là sáu năm; nếu hết kỳ hạn sáu năm mà không làm thành việc gì thì phải hoàn trả chùa lại cho sư thầy ở trước.

Tháng ba năm Giáp Tuất (1934), sau khi làm xong giấy tờ và thu xếp đầy đủ công việc, đúng ngày mùng Tám tháng Tư âm lịch, ngày Đức Thích Ca đản sinh, chúng tôi làm lễ nhập tịch. Phật học tùng thư cũng di chuyển lên đây. Từ đây có cơ sở ở Hà Nội nên việc đi lại, giao thiệp trở nên thuận tiện. Chùa cảnh tuy còn bé nhỏ, cũ nát nhưng có nhiều cây cối xanh tươi, mát mẻ; nhất là lại vừa được Sở Đốc Lý đổ đất, xây tường xung quanh làm lối đi như kiểu vườn hoa. Mùa hè năm ấy, vào các ngày nghỉ cũng như tối đến luôn luôn có các ông cư sĩ đến chơi và bàn bạc về việc lập hội nên công việc Tùng thư coi như tạm ngừng hoạt động, chỉ có tôi xuất bản riêng cuốn Nhập Phật nghi thức.

Ngày Rằm tháng Bảy âm lịch năm ấy chúng tôi có chức tuần cúng Trung nguyên phá độ gia tiên. Nhân đây, mời các nhà trí thức vào ban sáng lập (xin xem bản danh sách ở dưới), và dự thảo lại bản điều lệ xin phép lập hội. Việc này được rất nhiều người hưởng ứng. Bản điều lệ dự thảo xong, chúng tôi tính đến việc bầu ban trị sự lâm thời để đứng ra xin phép. Chúng tôi cũng nhận định phải làm thế nào tìm được ông hội trưởng ban trị sự có thể lực để cho người Pháp tin thì họ mới cho phép.

Khi bàn đến việc mời người làm hội trưởng thì có nhiều ý kiến khác nhau. Có người đề nghị mời ông Nguyễn Xuân Quảng hay ông Nguyễn Văn Bán vì hai ông này đều là Tuần phủ hưu trí và hiền lành. Có người nói: Hai ông ấy tuy cũng tốt nhưng chưa đủ cho người Pháp tin. Người khác thì đề nghị ông Hoàng Trọng Phu và ông Nguyễn Năng Quốc. Nhưng bấy giờ ông Hoàng Trọng Phu đang ở bên

THÍCH TRÍ HẢI

Pháp, không có ở nhà. Cuối cùng, mọi người nhất trí, tán thành mời ông Nguyễn Năng Quốc làm hội trưởng và cử các ông Lê Dư, Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc đi gặp trực tiếp ông Nguyễn Năng Quốc để mời. Kết quả được ông Nguyễn Năng Quốc nhận lời làm chánh hội trưởng.

Từ đây, chùa Quán Sứ trở thành nơi tụ họp để bàn việc bầu ban trị sự lâm thời đứng ra xin phép. Sau đây là bản đại cương điều lệ của hội:

A) Tên Hội và Hội quán:

Hội lấy tên Hội Bắc Kỳ Phật Giáo. Trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, số 73, phố Quán Sứ, Hà Nội.

B) Mục đích của Hội:

1. Truyền bá giáo lý của đức Phật và thực hành những lời đức Phật dạy.
2. Lập các trường học.
3. Phiên dịch kinh sách ra quốc ngữ.
4. Xuất bản kinh sách, báo chí.
5. Diễn giảng.
6. Tổ chức cúng dường Tam bảo và làm các việc phúc thiện như lập nhà thương, nhà bảo cô, nhà dưỡng lão, cứu giúp những người gặp tai nạn và lập nghĩa địa v.v...

C) Hội viên:

Không phân biệt quốc tịch, nam nữ, lão ấu, chủng tộc, ai từ 18 tuổi trở lên, tán thành điều lệ, tôn chỉ, mục đích của Hội đều được vào Hội. Hội viên gồm có các hạng như sau:

1. Sáng lập hội viên: Những người có công gây dựng thành Hội.
 2. Danh dự hội viên: Những người có thể lực, đạo đức, giúp ích cho Hội.
 3. Tán trợ hội viên: Đóng ngay một lần từ 50 đồng trở lên.
 4. Vĩnh viễn hội viên: Đóng ngay một lần 30 đồng.
 5. Chủ trì hội viên: Đóng 3 đồng nhập hội và mỗi năm đóng 1 đồng, đóng trong vòng 15 năm.
 6. Tùy hỷ hội viên: Không hạn tuổi. Chỉ đóng 1 đồng là xong.
- Các vị tăng ni vào Hội đều không phải đóng tiền.

D) Hệ thống tổ chức

Hội lập từ trung ương cho đến các địa phương. Nơi nào có trên 100 chủ trì hội viên mà cách xa trung ương đều có thể thành lập một chi hội riêng, đặt trụ sở tại chùa làng sở tại và lấy tên chùa làm tên chi hội.

Hội có ban tổng trị sự trung ương và ban trị sự địa phương. Mỗi ban gồm có:

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Một Chánh Hội trưởng
Hai Phó Hội trưởng
Một Tổng Thư ký
Hai Phó Thư ký
Một Chánh Thủ quỹ
Hai Kiểm soát
Hai Cố vấn
Một Quản lý.

Ngoài ra còn có các chuyên ban như:

1. Chứng minh đạo sư
2. Giám luật
3. Hoằng pháp (tuyên huấn)
4. Thanh niên
5. Hộ niệm
6. Học vụ (bảo trợ học đường)
7. Tài chính
8. Khánh tiết
9. Cứu tế
10. Hưng công (kiến thiết)

Mỗi ban đều có quy tắc riêng nói về nhiệm vụ của mỗi chức vụ và công việc của ban. Các chi hội nào ít việc và ít người thì ban trị sự cùng các chuyên ban có thể chỉ bầu đủ số người làm việc hay chỉ bầu ban nào cần thiết.

E) Danh sách Ban Trị sự lâm thời:

1. Chánh Hội trưởng: Ông Nguyễn Năng Quốc
2. Phó Hội trưởng: Ông Nguyễn Văn Ngọc
3. Phó Hội trưởng: Ông Nguyễn Quốc Thành
4. Tổng Thư ký: Ông Trần Văn Giáp
5. Phó Thư ký: Ông Trần Văn Phúc
6. Phó Thư ký: Ông Nguyễn Văn Minh
7. Chánh Thủ quỹ: Ông Phạm Mạnh Xứng
8. Phó Thủ quỹ: Ông Lê Toại
9. Kiểm soát: Ông Nguyễn Văn Cảnh
10. Kiểm soát: Ông Nguyễn Đình Quế
11. Cố vấn: Ông Lê Văn Phúc
12. Cố vấn: Ông Trần Văn Giác
13. Quản lý: Ông Lê Dư.

Sau khi được phép thành lập Hội, tất cả các thành viên kể trên đều được bầu chính thức làm Ban Trị sự khóa đầu tiên.

F) Danh sách các Hội viên sáng lập bên xuất gia:

1. Hòa thượng Nguyễn Thanh Át, trụ trì chùa Trung Hậu, huyện Yên Lạc, Vĩnh Yên.
2. Hòa thượng Dương Văn Hiến (Phổ Hải), trụ trì chùa Tế Cát, huyện Lý Nhân, Hà Nam.
3. Thượng tọa Thái Hòa (Đỗ Trần Bảo), trụ trì chùa Tú Yên, huyện Lý Nhân, Hà Nam.
4. Sư ông Vũ Đình Ứng (Hải Châu), Sơn môn Yên Linh, huyện Nam Sách, Hải Dương.
5. Sư ông Đoàn Thanh Tảo (Trí Hải), trụ trì chùa Quán Sứ, Hà Nội.

G) Danh sách các Hội viên sáng lập bên tại gia:

1. Ông Nguyễn Năng Quốc: Tổng đốc trí sĩ Thái Hà ấp, huyện Hoàn Long, Hà Nội.
2. Ông Trần Trọng Kim: Thanh tra Học chính Bắc kỳ.
3. Ông Nguyễn Văn Ngọc (Ôn Như): Đốc học – Hà Đông.
4. Ông Bùi Kỳ (Ưu Thiên): Phó bảng – Hà Nội.
- 5 Ông Dương Bá Trạc: Cử nhân – Hà Nội.
6. Ông Trần Văn Lai: Bác sĩ – Hà Nội.
7. Ông Lê Dư (Sở Cuồng): Công chức Sở toàn quyền Đông Dương.
8. Ông Nguyễn Quang Oánh: Tham tá Nha Học chính Bắc kỳ.
9. Ông Phạm Huy Lục: Nghị trường dân biểu Bắc kỳ.
10. Ông Nguyễn Văn Vĩnh: Chủ báo Trung bắc Tân văn – Hà Nội.
11. Ông Nguyễn Quốc Thành: Tham tá Sở Thương chính Hà Nội.
12. Ông Trần Văn Giáp: Tham tá Viễn Đông Bác cổ.
13. Ông Lê Toại: Thông phán Sở Đốc Lý Hà Nội.
14. Ông Nguyễn Văn Cảnh: Thông phán Sở Thương chính Hà Nội.
15. Ông Văn Quang thùy: Thông phán Sở Thương chính Hà Nội.
16. Ông Bùi Xuân Thành
17. Ông Nguyễn Văn Tố: Tham tá Nhà viễn Đông Bác cổ - Hà Nội.
18. Ông Lê Văn Phúc: Chủ Nhà in Đông Kinh – Hà Nội.
19. Ông Trần Văn Phúc: Công chức – Hà Nội.
20. Ông Nguyễn Văn Minh: Công chức – Hà Nội.
21. Ông Nguyễn Đỗ Mục: Tú tài, nhà văn – Hà Nội.
22. Ông Phạm Mạnh Xứng: Thương gia – Hà Nội.
23. Ông Nguyễn Hữu Kha (Thiền Chủ): Nhà nghiên cứu Phật học – Hà Nội.
24. Ông Nguyễn Đình Quế (Thanh Hương): Giáo sư – Hà Nội.
25. Ông Nguyễn Trọng Thuật (Đỗ Nam Từ): Nhà văn - Hải Dương.
26. Ông Trần Văn Giác: Thông phán Sở Thương chính Hà Nội (TĐrà Vinh – Nam kỳ).
27. Ông Nguyễn Hữu Tiến (Đông Châu): Nhà Văn - Bắc Ninh.

Ngày thành lập

HỘI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Hội được chính thức thành lập theo Nghị định số 4283 ngày 6/11/1934. Sau đó, Ban Trị sự thường xuyên họp để bàn việc bầu ban khánh tiết chuẩn bị làm lễ ra mắt dân chúng.

Hội quyết định tổ chức lễ ra mắt vào ngày 17/11 Âm lịch: Ngày kỷ niệm khánh đản Đức Phật A Di Đà; và lấy ngày này làm ngày lễ kỷ niệm thành lập Hội hằng năm.

Hội cử một đoàn đại biểu lên thỉnh Hòa Thượng Thích Thanh Hanh, trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang, về chứng minh buổi lễ. Hòa Thượng là một vị mà trong giới Phật giáo toàn miền Bắc đều suy tôn là bậc nhất. trong đoàn đi thỉnh có Hòa Thượng Phổ Hải (Tế Cát), ông Nguyễn Năng Quốc, ông Bùi Xuân Thành, Thượng Tọa Thái Hòa, tôi cùng mấy người khác nữa. Lúc đầu Hòa Thượng không nhận lời vì ngài ngại tuổi tác đã cao, già yếu. Nhưng chúng tôi ân cần cầu thỉnh mãi Hòa Thượng mới nhận lời.

Sau đó chúng tôi gửi thư mời các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa trong khắp các Sơn môn trên toàn miền Bắc và kết quả có hơn 300 vị về dự lễ. Suốt ba ngày diễn ra buổi lễ: 17, 18, 19 Âm lịch, khách thập phương thiện tín đi lại lễ bái có tới bốn, năm nghìn người. Những người xin vào Hội và xin quy y đông đến nỗi bộ phận văn phòng ghi tên không kịp.

Tết Nguyên đán xong, bắt đầu từ Chủ nhật đầu năm 1935, không ngày Chủ nhật nào Trung ương Hội không cử đại biểu đi dự lễ khánh thành các chi hội. Có ngày phải cử hai, ba đoàn đi dự hai, ba nơi khác nhau.

Còn công việc chùa Quán Sứ thì bấy giờ Hội thỉnh ba vị Hòa thượng là Hòa Thượng Thanh Át chùa Trung Hậu; Hòa thượng Phổ Hải chùa Tế Cát; Hòa Thượng Thanh Thịnh Sơn môn Bà Đá về làm trụ trì, chủ trương mọi công việc chính. Các công việc hàng ngày do tôi làm đương gia, đảm nhiệm.

Khóa Hạ năm Ất Hợi (1935), Hội cùng chư tăng cung thỉnh Hòa Thượng trụ trì chùa Lăng Lăng huyện Xuân Trường, Nam Định lên làm chủ Hạ. Hòa Thượng cũng là một vị trong Ban Chứng minh Đạo sư của Hội. Vì chùa cảnh còn chật hẹp nên số chư tăng về Hạ chỉ được ngót ba chục người. Hạ năm ấy, ngoài sự lễ bái và diễn giảng mỗi tháng hai kỳ vào ngày rằm và mùng một ra, Hội còn tổ chức những buổi nói chuyện về giáo lý thông thường sau khóa lễ buổi tối do tôi cùng ông Nguyễn Hữu Kha phụ trách. Cứ cách ba buổi tối có một buổi. Ông Kha chuyên giảng bộ *Long thư Tịnh độ*, còn tôi chuyên nói về giáo lý phổ thông. Các bài giảng đều được in ra, mỗi tối bốn trang khổ 13x25. Mỗi người đến nghe đều được phát cho một bộ. Nghe xong đem về nói lại cho cả nhà cùng nghe, sau lại đóng thành sách. Mỗi lần in ra 1.000 tờ mà hết Hạ chỉ còn đóng lại được 300 cuốn. Những bài giảng của tôi, về sau đóng thành sách lấy tựa đề là *Phật học thiên thuyết*. Mỗi buổi giảng như vậy có khoảng trên 500 người tới nghe.

Báo Đuốc Tuệ

Muốn truyền bá giáo lý và phổ biến công việc của Hội được sâu rộng, Hội cho xuất bản tuần báo lấy tên là Đuốc Tuệ. Giá bán mỗi năm là 1 đồng: 52 số. Bắt đầu phát hành vào trung tuần tháng 8 năm 1935, trung bình mỗi kỳ ra được 5.000 số.

Hòa thượng Phan Trung Thứ trụ trì chùa Thịnh Quang (chùa Sờ) làm Chủ bút, Hòa thượng Phổ Hải trụ trì chùa Quán Sứ làm Phó Chủ bút, ông Cung Đình Bính làm quản lý. Phần biên tập do Ban khảo cứu của Hội phụ trách. Trưởng ban là ông Trần Trọng Kim cùng với sự tham gia của nhiều vị Tăng, cư sĩ như ông Dương Bá Trạc, Đồ Nam Tử, Lê Du, Nguyễn Hữu Kha...

Lập Nhà in Đuốc Tuệ

Không những in kinh sách, báo chí mà còn cần in nhiều giấy tờ, sổ sách về công việc của Hội mỗi ngày một nhiều nên cần phải có nhà in riêng cho tiện. Việc lập nhà in do ông Nguyễn Hữu Kha đề xướng và được hội đồng chấp thuận. Hội lại giao toàn quyền cho ông đứng ra tổ chức và phụ trách về mọi công việc. Đến cuối năm 1935, nhà in được phép thành lập và lấy tên là Nhà in Đuốc Tuệ.

Kiến thiết chùa Quán Sứ

Vì muốn xây dựng một ngôi chùa thật xứng đáng nên Hội đã cho thi để chọn lấy kiểu mẫu. Phải mất một thời gian khá lâu Hội mới chọn được kiểu mẫu và lễ khởi công được tổ chức vào ngày mồng tám tháng Tư năm Bính Tí (1936). Hội đặt ra một ban hưng công do các Hòa Thượng đứng chủ. Hòa Thượng Nguyễn Thanh Át trụ trì chùa Quán Sứ được bầu làm Trưởng ban còn Hòa Thượng trụ trì chùa Hương Tích cùng quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, cư sĩ thiện tín, những nhà mộ Đạo đều được bầu làm Ủy viên của Ban.

Vì bận công việc trong chùa, Hòa Thượng trụ trì chùa Hương Tích không thường xuyên ở Quán Sứ được nên đã ủy thác cho đệ tử là Thượng Tọa Thích Tô Liên ra thay mặt Hòa Thượng để trông coi công việc xây dựng chùa Quán Sứ. Từ đây, Thượng Tọa Tô Liên bắt đầu tham gia vào các công việc của Hội.

Suy tôn Thuyền gia Pháp chủ

Ngày 17 tháng 11 năm Bính Tí (1936) nhằm ngày Lễ Khánh đản Đức Phật A Di Đà cũng là ngày Kỷ niệm Đệ nhị chu niên của Hội, Hội tổ chức suy tôn Hòa Thượng Thích Thanh Hanh, trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang lên ngôi vị Thuyền gia Pháp chủ, đứng chủ trương về Đạo pháp của Phật giáo trên toàn miền Bắc.

Lễ được cử hành rất trọng thể. Trước đó, cung đón Hòa Thượng từ chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang về chùa Hòe Nhai, phố Hàng Than, Hà Nội. Vào đúng ngày lễ, 17 tháng 11, rước Hòa Thượng từ chùa Hòe Nhai về chùa Quán Sứ trong tiếng nhạc vang trời, cờ phan rợp đất, với hàng vạn người dự lễ rước. Người dự lễ đông

đến nỗi hàng đầu đã gần về đến chùa Quán Sứ mà hàng cuối vẫn còn ở chùa Hòe Nhai (chiều dài khoảng gần hai cây số). Ngoài các Hội viên, chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa Tăng, Ni ở khắp các tỉnh về dự, Hội còn mời cả đại biểu Hội Phật học Trung Việt cùng các hàng Tổng đốc, Tuần phủ trên toàn miền Bắc và các ngoại kiều như Trung Hoa, Ấn Độ, Pháp... Số thiện tín thập phương đi lại, lễ bái, quy y trong những ngày Lễ không lúc nào là không phải chen chúc.

Lập trường Tăng học

Việc đào tạo Tăng tài chính là việc khẩn cấp nhất nên ngay sau buổi Lễ Suy tôn Pháp chủ, Hội tru liệu ngay việc mở trường Tăng học và thỉnh Đại tạng kinh.

Tiếp liền với khóa Hạ năm 1935 ở chùa Quán Sứ có một lớp tiểu học, nay chuyển sang mở trường tại chùa Bồ Đề bên kia cầu Hà Nội (Gia Lâm). Hội thỉnh Hòa Thượng trụ trì chùa Phù Lãng Trung ở Hà Bắc về dạy Phật pháp, mời ông Tú Tiến (Đông Châu) giúp về phần Quốc văn. Số tăng sinh được hơn 30 người.

Bấy giờ lại được Hòa Thượng Thích Thanh Thuyên (Tuệ Tạng) trụ trì chùa Cồn, Nam Định lên giúp về việc giảng dạy. Hòa Thượng cùng với Thượng Tọa Tố Liên được mời vào ban Thuyên học, tiếp tục mở thêm lớp trung học tại chùa Sở do Hòa Thượng Sở làm giám đốc và giáo thụ. Hòa Thượng Cồn phụ trách việc giảng dạy. Một vị cư sĩ giúp về phần Quốc văn. Số tăng sinh có hơn 60 người.

Về tài chính chi tiêu trong trường do Ban Bảo trợ Thuyên học đảm nhiệm. Trưởng Ban Bảo trợ là Hòa Thượng Trung Hậu. Thượng Tọa Tố Liên, ông Nguyễn Hữu Kha và tôi làm ủy viên.

Phái người ra nước ngoài

Muốn khảo cứu Phật giáo nước ngoài để bồi bổ cho Phật giáo nước nhà nên đầu năm 1937, Hội phái người sang du học ở Trung Quốc. bấy giờ ở miền Bắc có tôi, ở miền Trung có Thượng Tọa Mật Thế.

Thu xếp công việc xong, cuối tháng Hai âm lịch chúng tôi xuống Hải Phòng đáp tàu thủy đi Hồng Kông. Khi tới nơi, chúng tôi hỏi thăm hội Phật giáo ở đây thì được biết ở Hồng Kông không có chùa nào cả, chỉ có Cư sĩ lâm của các cư sĩ tại gia lập lên để tu trì với nhau về tụng niệm, lễ bái; thỉnh thoảng mời các vị Tăng đến giảng Kinh trong từng kỳ một.

Nhưng khi chúng tôi đến cũng được các ông trong đó đón tiếp rất vui vẻ, ân cần. Nghỉ ngơi mấy hôm, sắm sửa xong, các ông đưa chúng tôi tới chùa Bảo Liên trên núi Đại Dư thuộc tỉnh Quảng Đông. Từ Hồng Kông đi mất năm giờ đồng hồ ca nô và còn đi bộ sáu, bảy tiếng nữa mới tới. Chùa ở trong một khu núi và tại đây có hơn hai mươi vị Tăng, Khi chúng tôi đến cũng được Hòa Thượng trụ trì cùng chư Tăng tiếp đãi niềm nở, vui vẻ. Chúng tôi nói là sang để cầu học thì các vị liền nhận lời ngay. Chuyện trò xong, một lát sau vị tri khách đưa chúng tôi thăm tất cả

THÍCH TRÍ HẢI

các nơi: Từ trên chùa chính xuống đến bếp cùng các nơi xuất xứ (đại tiểu tiện). Đến bếp, vị ấy chỉ cho chỗ để củi, nước ấm v.v... và bảo cho biết là ở đây các sư đều tự làm lấy những việc cần dùng cho riêng mình; còn khi ăn cơm, nghe thấy hiệu lệnh thì tự tới nhà trai, không ai tìm ai cả. Nhưng chiều hôm đó, chúng tôi lại thấy vị thị giả của Hòa Thượng mời chúng tôi vào ăn cơm với Hòa Thượng. Cơm rất sang. Từ hôm sau thì thấy cả Hòa Thượng cũng cùng ra ăn cơm với chúng tôi ở nhà trai. Cơm và các món ăn đều như nhau cả. Hôm ấy có người cúng hoa quả, đến bữa ăn thấy cắt phần, chia mỗi vị một phần ba quả chuối, một hạt mít luộc. Hòa Thượng cũng như thế. Đến đây chúng tôi thấy đúng nghĩa Lợi hòa đồng quân.

Việc học ở đây chỉ có mỗi ngày một buổi giảng Kinh và tu trì, tụng niệm, lễ bái như thường thôi, không có trường lớp và chương trình học hành gì khác cả.

Ở đây được hơn nửa tháng, chúng tôi lại ra Hồng Kông đi Thượng Hải. Chủ ý của chúng tôi là mong sao gặp được Hòa Thượng Thái Hư, vị lãnh đạo Phật giáo Trung Quốc mà ở nhà chúng tôi đã được đọc sách báo và biết cụ đã từng sang các nước bên Âu, Mỹ truyền bá Đạo pháp, được các giới trí thức phương Tây rất hâm mộ.

Đến Thượng Hải, vào chùa Lưu Vân ở phố Hư Vân. Chùa rất to, cả bốn mặt chung quanh đều là phố. Trừ phía trước còn hai bên đều là nhà hai tầng. Từ chùa về phía sau có ngõ ra rất nhiều khu cũng đều là hai tầng cả. Nhà này liên lạc với nhà kia phần nhiều bằng điện thoại.

Sau đây ít lâu chúng tôi lại sang chùa Tam Muội, chờ Hòa Thượng Thái Hư. Được tin Hòa Thượng về chùa Tĩnh An, chúng tôi bèn tới đó, được gặp ngài, và được ngài tiếp đón rất vui vẻ thăm hỏi ân cần. Biết chúng tôi rất mong cầu học để bồi bổ phần nào cho tinh thần Phật giáo Việt Nam, ngài nói: "Phật giáo Việt Nam với Trung Quốc vẫn là một, xưa kia vẫn đoàn kết mật thiết với nhau. Song rất tiếc gần đây hoàn cảnh không thuận tiện nên chúng ta ít được gặp nhau. Nay các sư có chí lại được quý Hội phái sang đây tham học là quý lắm. Nhưng chúng tôi cũng ở đây không đủ đáp ứng nhu cầu của các sư... "

Chuyện trò xong chúng tôi dùng cơm. Cơm nước xong ngài viết thư giới thiệu chúng tôi tới chùa Định Tuệ ở núi Tiêu Sơn, huyện Trấn Giang, tỉnh Giang Tô.

Từ giả Thượng Hải, chúng tôi đáp xe lửa qua Tô Châu, Thường Châu, Vô Tích và cuối cùng đến Trấn Giang. Đây cũng là thị xã tỉnh Giang Tô. Núi Tiêu Sơn nằm giữa sông Dương Tử, cách thành phố khoảng năm cây số. Chùa nằm trên núi. Cả khu núi này đều thuộc phạm vi của chùa cả. Chùa rất lớn. Ngoài nhà Tổ, nhà trai v.v... thuộc bên trong, còn có nhà du lịch, phòng phát hành kinh sách, tranh ảnh, báo chí Phật giáo, nhà bưu điện riêng để người trong chùa và khách thập phương đi lại giao dịch thư từ, tiền nong, có ca nô chở khách từ thành phố vào chùa và ngược lại. Ngày nào chuyến nào cũng đông như nhau.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Đây chính là khu Giang Nam thời Tam Quốc thuộc về Đông Ngô. Thời ấy ở đây Phật giáo rất thịnh hành. Hiện nay vẫn còn nhiều danh lam cổ tích rất lớn. Ở đây đã là chùa thì rất to lớn. Từ bé đến giờ chúng tôi chưa được thấy ở Việt Nam có chùa nào rộng lớn như ở đây cả. Ở Trung Quốc, chùa và Tùng lâm là một và phải là những nơi phải ở được hàng nghìn người trở lên. Ruộng đất mỗi chùa có từ ba, bốn nghìn mẫu. Ở Thường Châu có chùa có tới hai mươi nghìn mẫu. Như thế mới gọi là chùa. Còn những nơi khác như chùa lớn nhất ở Việt Nam trở xuống đều gọi là miếu, am, tịnh thất v.v... Chứ không gọi là chùa.

Tới Tiêu Sơn chúng tôi trình giấy giới thiệu của ngài Thái Hư lên Hòa Thượng trụ trì. Hòa Thượng trụ trì ở đây bây giờ là ngài Tĩnh Nghiêm. Chúng tôi được Hòa Thượng cùng các chư tăng đón tiếp rất nồng hậu. Hòa Thượng cũng là đệ tử ngài Thái Hư. Chúng tôi thưa: "Chúng tôi do Hội cử sang đây cầu học. Chỉ mong sao được các Hòa Thượng cùng chư Tăng bên đây giúp đỡ cho được học đến nơi đến chốn để về làm việc Phật, hoàng dương Phật pháp ở nước nhà. Đó là nguyện vọng không những của riêng chúng tôi mà còn là của tất cả Phật tử Việt Nam. Còn về phần phí tổn chi dùng đều do Hội ở nhà cung cấp, sẽ tiếp tục gởi sang. Vậy ở đây, vấn đề này như thế nào mong Hòa Thượng cũng hoan hỉ cho biết để chúng tôi biên thư về báo cho Hội ở quê nhà biết thì quý lắm."

Hòa Thượng trả lời: "Các sư là những người có chí về Phật pháp, lại được quý Hội cũng hết lòng vì Đạo phái sang đây tu học. Xin các sư cứ yên tâm tu học với chúng tôi. Chúng tôi cũng ước mong giúp đỡ sao cho khỏi phụ lòng và công của các sư đã tới đây thôi. Còn về phần chi dùng, chùa là của chung thập phương Tam bảo. Chúng ta xuất gia làm đệ tử của Phật, ai ai cũng đều có phần cả. Mong các sư không nên nghĩ tới việc này. Nếu cần gì xin cứ nói thật cho chúng tôi biết để lo liệu. Không những các sư ở nước ngoài tới đây, tất cả các sư trong nước ai tới đây học cũng được cung cấp đầy đủ về mọi phương diện. Mong các sư đừng ngại."

Từ đây chúng tôi luôn được các vị săn sóc, hỏi han, giúp đỡ. Ở đây có trường Trung học Phật pháp, có chương trình, thời khóa hần hoi. Bây giờ ở đây có hơn 40 tăng sinh. Ngoài phần dạy về Phật pháp còn có một giáo viên là cư sĩ dạy về quốc văn và thuốc.

Ở đây được hơn năm tháng thì cuộc chiến tranh Trung - Nhật lan tràn đến gần nơi chúng tôi ở. Khi chúng tôi tới Thượng Hải, xem báo đã thấy xảy ra vụ Lu Cầu Kiêu. Bây giờ quân Nhật đã chiếm xong Thượng Hải, lên tới Thường Chân, Võ Tích, còn cách Trấn Giang là tới Nam Kinh. Nghe tin Chính phủ Tưởng Giới thạch đã rời Trùng Khánh cách đây bốn hôm rồi. Đã nghe tiếng súng gần tới Trấn Giang. Hàng ngày máy bay Nhật luôn luôn quấy nhiễu. Vùng chúng tôi ở lại là giữa sông nên các vị ở đây cho chúng tôi tản cư vào đất liền. Chúng tôi chuyển tới chùa Trúc Lâm ở giữa núi Giáp Sơn. Núi này nằm sau thị xã Trấn Giang độ năm cây số, rất nguy hiểm. Ở đây cũng có trường Phật học nhưng bây giờ cũng tạm nghỉ. Các sư thanh niên hầu hết sung vào ban "Kim Vạn tự" (cũng như Hồng Tháp tự) do Phật giáo tổ chức.

Tình cảnh của chúng tôi lúc này rất nguy khốn. Ở lại đây thì không yên. Thầy Mật Thể bị ốm, tiền lại không còn bao nhiêu. Lúc đi, mỗi người chỉ được Hội cấp cho 10 đồng làm lộ phí. Từ khi tới Tiêu Sơn chỉ nhận được thêm 30 đồng ở Bắc giới, còn ở Trung chưa nhận được lần nào vì đường qua Thượng Hải đã bị chiếm cứ, thư từ qua lại cũng không được nữa.

Khi quân Nhật tiến gần tới vùng này, các sư lại thu xếp cho chúng tôi chạy ngược lên. Hòa thượng cùng chư tăng ở đây cũng giúp đỡ cho chúng tôi một số tiền để chạy loạn. Chúng tôi phải chạy lên Nam Kinh, Vũ Hồ, Giang Tây, tới Hán Khẩu (Hồ Bắc). Vùng này tương đối còn yên tĩnh. Nhưng vào chùa nào cũng thấy toàn quân nhân đóng. Có chùa được dọn làm bệnh viện. Sự học hành nhiều nơi đã nghỉ hẳn để cho các sư thanh niên ra làm việc cứu thương ngoài chiến trường.

Chúng tôi bàn với nhau, ở lại học thì không đi đến đâu, lại thêm phiền hà cho các chùa ở đây, tiền không còn, chỗ ở thì nay đây mai đó, trong lúc loạn ly như thế này bên nhà có muốn gửi tiền sang cũng rất khó. Trong lúc đó, ở nhà công việc đang phôi thai thì chắc chắn gặp cảnh người hiếm của kiếp. Cuối cùng chúng tôi quyết định hãy tạm về, đợi khi yên tĩnh sẽ sang trở lại hoặc đi nước khác như Nhật chẳng hạn. Lúc ấy chúng tôi đang ở Vũ Hán và có ghé thăm Thế giới Phật học uyển, một cơ quan Phật giáo do ngài Thái Hư sáng lập. Tại Vũ Xương có tạp chí Hải Triều Âm, tờ báo lớn nhất của Phật giáo, phổ biến khá rộng rãi trong cũng như ngoài nước. Ở đây có một thư viện rất lớn, là tòa nhà ba tầng, chứa đủ các Kinh sách, có tới mấy chục vạn cuốn đủ loại. Chúng tôi cũng được gặp ông Đường Đại Viên, nhà Duy Thức học nổi tiếng của Trung Quốc lúc bấy giờ.

Ở đây được ít lâu, chúng tôi lại đáp xe lửa xuống Hà Nam về Quảng Đông. Thầy Mật Thể ở lại Thanh Sơn ít lâu rồi về thẳng Sài Gòn rồi ra Huế. Còn tôi thì xuống Hồng Kông về Hải Phòng.

Như thế, cả đi lẫn về, chúng tôi vắng nhà hơn 11 tháng. Qua Trung Quốc tham quan, học tập, nghiên cứu được ít kinh nghiệm về Phật giáo Trung Quốc và thỉnh được ít Kinh sách mang về.

Về đến Hà Nội đã thấy các cửa hàng tấp nập kẻ ra người vào sắm sửa, chuẩn bị tết. Tới chùa Quán Sứ, thấy công việc của Hội không tiến triển; Kinh sách, báo chí phát hành chỉ ở mức độ bình thường; còn trường học thì Ban Bảo trợ phải đóng gạo chui cho trường mất hơn 100 đồng (khoảng 15 tạ); việc xây dựng chùa Quán Sứ cũng đình trệ, thợ đã nghỉ từ lâu; về vật liệu chỉ mới mua được mấy phiến gỗ 100 tạ và ít vôi, cát. Hỏi đến tiền quỹ hưng công, được biết: Thập phương cúng được mấy nghìn thì chi vào việc thi kiểu mẫu và lễ đặt móng cùng mua ít vật liệu vừa kể trên. Trong quỹ chỉ còn 6 đồng. Vì công việc làm chùa không tiến hành được nên thập phương thiện tín có phần chán nản. Ông Nguyễn Năng Quốc từ chức Chánh Hội trưởng về ở Thái Bình đã mấy tháng rồi. Các Hòa Thượng thì đâu về đấy. Có dư luận cho rằng Hội Phật giáo sắp tan rã. Giấy phép lặc quyền xây dựng chùa quán Sứ thời hạn 6 tháng cũng lại hết rồi. Công việc của

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Hội lúc này lâm vào cảnh hết sức nguy ngập, không thể tiến hành được nữa. Không khéo sẽ đi tới chỗ tan rã nếu không kịp thời chấn chỉnh.

Ban Trị sự liền triệu tập đại hội đồng để chấn chỉnh lại. Kết quả, mời được ông Trần Văn Đại, Tuần phủ hưu trí cũng là Chi hội Trưởng Hội Phật giáo Hải Dương, làm Chánh Hội trưởng Trung ương, chấn chỉnh lại ban Hưng công. Bây giờ, cả ông Nguyễn Hữu Kha và tôi đều sung vào Ban Hưng công làm việc. Ông Kha cùng các vị khác trông coi, lo liệu về tài chính còn tôi cùng một số vị khác trông nom về kiểu mẫu, thợ thuyền và mua sắm vật liệu.

Kiểu mẫu được chọn lúc đầu: Có cây tháp cao và trên chùa rộng rãi. Nếu làm được như thế thì nguy nga đồ sộ thật. Nhưng xét về mặt thực dụng thì ngôi chùa và cây tháp ấy làm trong phố không xứng vì nhà chung quanh vẫn che khuất, không có chỗ để trông thấy cây tháp cao. Còn nhà thờ Tổ lại làm bán mái, các nhà phụ hẹp, nhỏ, không thể đủ dùng cho công việc của Hội.

Ngay sau ngày ở Trung Quốc về, nhận thấy công việc Hội cần phải chấn chỉnh lại, kể cả việc làm chùa, cần sửa đổi kiểu mẫu mới có thể làm được và sẽ làm dần từng giai đoạn. Nếu làm theo kiểu đã chọn thì phải tháo dỡ chùa cũ cùng tất cả các nhà ra thì mới có thể làm được. Theo cách này, trong thời gian xây dựng chùa, mọi việc thờ cúng, lễ bái sẽ bị tạm ngưng và sẽ không có ai đi lại nữa. Như thế lấy đâu ra số tiền 1.000.000 đồng làm cho thành ngôi chùa như kiểu đã chọn?

Vì những lý do trên, sau khi trừ tính kỹ công việc, thấy cần dùng nhà cửa để làm sao vừa xây dựng vừa có thể hành Đạo được nên tôi đã phác họa thành sơ đồ mới, làm theo kiểu chùa như hiện nay. Khi vẽ xong, tôi cho in thành nhiều bản, đưa cho tất cả các vị trong Ban Hưng công cùng chư Tăng xem. Tới kỳ đại hội đồng, tôi trực tiếp thuyết minh rõ các chi tiết trong bản phác thảo, được toàn thể hội đồng tán thành, chấp thuận. Sau đó, chúng tôi nhờ Kiến trúc sư Nguyễn Văn Ngoạn vẽ lại để xin phép tiếp tục tiến hành công việc.

Về tài chính cũng chấn chỉnh lại. Giấy phép đã hết hạn. Ban Hưng công vận động tất cả các hội viên trong Hội đều tự nguyện phát tâm đóng góp hằng tháng theo lối tiết kiệm. Tùy tâm mỗi người, ít nhất từ (hai hào) trở lên, chia ra từng khu phố, từng công sở, từng nhóm nhỏ từ 20 người trở xuống, cử lấy một người đứng thu về cho Ban Hưng công. Công việc quyên góp như thế được tiến hành luôn trong bốn năm (1937-1940) mới hoàn thành ngôi chánh điện, nhà thờ Tổ, nhà giảng, nhà Tăng, nhà khách, nhà in v.v... Như thế làm được khoảng 80%. Còn tượng pháp, đồ thờ, các đồ dùng và trang trí khắp từ trên chùa xuống các phòng đều được trang bị đầy đủ. Trong đó có ba ngôi nhà ba tầng. Tổng số chi tiêu gần 1.000.000 đồng.

Nói về trường học. Lúc tôi vừa ở Trung Quốc về, Ban Bảo trợ cho biết là trường học đã lâm vào tình trạng kể trên. Chúng tôi nghĩ muốn duy trì trường học được lâu dài cần phải có cơ sở vững chắc. Nếu cứ bắc nước chờ gạo bằng cách đi xin mãi, khó lòng mà đứng vững được. Trong khi trường Phật học không phải như

những trường khác. Đây có tính cách vừa học vừa làm, vừa tu vừa được. Ý kiến này vẫn thường được bàn tới nhưng vẫn chưa thực hiện được.

Ngày 19 tháng 2 năm Bính Dần (1938) tôi xuống dự Lễ Khánh đản Đức Quan Âm và diễn giảng ở chùa Kỳ Bá, trụ sở chi hội Phật giáo Thái Bình, được các cụ chư Tăng ở đây cho biết ở hạt Phụ Dực có người muốn bán mấy chục mẫu ruộng. Tôi liền nhờ các vị ấy đưa tôi đi xem. Có ba chủ muốn bán tất cả hơn 40 mẫu với giá hạng nhất là 100 đồng, hạng cuối là 60 đồng trở lên. Mua ngay thì được rẽ lúa vào vụ chiêm tới.

Về tới Hà Nội gặp ngay kỳ họp của Ban Bảo trợ trường học, lại được đông đủ các Hòa Thượng trong Ban Chứng minh Đạo sư về họp, tôi đem vấn đề mua ruộng ra thưa với hội nghị, ai cũng tán thành và cho rằng giá ấy mua được. Nhưng vấn đề tiền thì làm thế nào mà có ngay được. Tôi nói: "Nếu quý Hòa thượng và Hội đồng ưng thuận thì có thể mua được với giá ruộng kể trên. Chúng con xin mỗi Hòa Thượng hoan hi bố thí cho mỗi vị một mẫu, nếu hơn càng quý. Còn tất cả Tăng, Ni, Thiện tín tùy tâm. Vị nào có khả năng cho năm, ba hay một, hai sào gì cũng được. Trước hết, Ban Bảo trợ tạm ứng tiền cho vay để mua rồi vị nào có sau này trả cũng được.". Hội đồng đều chấp thuận phương án đó.

Nhờ sự vận động mua ruộng này mà nhà trường có tiền để trả tiền gạo chui và tiếp tục chi dùng, vẫn mua được hơn 40 mẫu ruộng còn sắm được trâu, bò, dụng cụ để làm ruộng, lại nhận thêm cả hai ngôi chùa của làng An Linh và Cao Nội cùng trâu, ruộng của hai ngôi chùa này. Tổng cộng, nhà trường có hơn 50 mẫu ruộng. ruộng Phụ Dực giáp Quỳnh Côi, có nhiều thửa đất tốt, trồng bông được. Hội dự định mua khoảng 200 mẫu để mở thành trường học có quy mô ở ngay đây, vừa trồng bông, vừa cấy lúa, vừa tu học v.v... có thể cung cấp được cho một số tăng sinh tự túc vĩnh viễn về mọi sự chi dùng.

Dự lễ Trung Nguyên bên Lào

Ngày 15 tháng 7 năm Mậu Dần (1938), do một số Việt Kiều ở Viên Chăn (Lào) thỉnh cầu Hội Phật giáo cử các sư sang giúp lễ và quy y cho các kiều bào ở bên ấy, Hội cử tôi và sư ông Đại Hải (Đỗ Danh Giao) ở chùa Giàn, Bắc Ninh sang đây làm lễ kỳ siêu và quy y cho các kiều bào. Ngoài ra, còn thu xếp giúp kiều bào thành lập hội Phật giáo, trừ bị xây một ngôi chùa ngay thành phố Viên Chăn. Nhân tiện, chúng tôi cũng được các kiều bào đưa sang tham quan tỉnh Nông Kìa, Thái Lan.

Dự trừ mở mang khu chùa Yên Tử

Năm 1940, do chính quyền địa phương Quảng Yên yêu cầu Hội cử người vào trụ trì và mở mang Yên Tử, Hội và chư Tăng cử ông Nguyễn Thanh Phúc vào trông coi về lễ bái cùng các công việc hàng ngày, còn tôi đi lại để giao dịch các công việc lớn ở ngoài.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Nhận thấy đây là nơi danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của Phật giáo nước nhà, mỗi năm có đến hàng vạn người qua lại tham quan, lễ bái chiêm ngưỡng, thế mà hầu hết các chùa cảnh trong khu vực này đều đã bị đổ nát, nhiều nơi đã sụp đổ hoàn toàn, nay chỉ còn lại vài nơi nhưng lại không có người đủ tài đức duy trì, hoằng hóa, nên không có nơi nào đáng kể về hình thức chứ chưa nói chi đến tinh thần.

Đi lại nơi này, chúng tôi gặp anh em nhà Bạch Thái Đào, Bạch Thái Tông (con ông Bạch Thái Bưởi). Họ cho biết đồn điền La Bích ở đây muốn bán và nhờ Bạch Thái Tông bán giúp. Tôi nghĩ đến việc mở mang lại khu vực này phải có chương trình lâu dài. Làm sao những chùa cảnh trong khu vực này xứng đáng là nơi Thánh tích của nước nhà. Nơi đây có thể làm nơi tu dưỡng và làm trường cao đẳng của Phật giáo để đạo tạo tăng tài. Những người lên đây học tập, tu luyện trong một thời gian nhất định cho có thật đủ tài, đức rồi mới xuống núi truyền Đạo khắp nơi.

Muốn kiến thiết cả một khu vực vừa chùa, cảnh với quy mô hùng vĩ, trang nghiêm cho sau này, có hàng trăm người tu học mãi mãi đời này sang đời khác thì vấn đề quan trọng là cần phải trừ bị lương thực. Tất cả cần phải tự túc, Nên tôi nhờ Bạch Thái Tông điều đình mua giúp tất cả cánh đồng năm mẫu gần chùa Long Động (thuộc khu vực Yên Tử). Cả hai anh em Tông và Đào nghe chúng tôi trình bày ý kiến trên đều rất vui mừng, hứa sẽ cộng tác giúp đỡ, cả về mặt tài chánh. Ngoài ra, hai anh em đều hứa sẽ vận động tất cả các bạn bè cùng giúp đỡ.

Tại đây chúng tôi dự định xây dựng theo phương pháp mới, hiện đại tức dùng toàn xi măng cốt thép mới có thể chịu đựng nổi khí hậu của núi rừng. Nếu làm bằng gỗ thì chỉ mấy năm là hư ngay vì khí hậu ẩm thấp. Bây giờ các sư trên chùa Yên Tử được cả gia đình Bạch Thái Bưởi giúp đỡ mọi việc cần thiết. Còn việc mua ruộng, sau này chúng tôi được biết: Chủ La Bích muốn bán tất cả khu đồn điền mà ông ta đã khai thác hơn nghìn mẫu. Nếu bán ruộng không (hơn 300 mẫu) thì sợ số rừng còn lại khó bán. Cả hai anh em họ Bạch hứa sẽ thu xếp dần.

Trên ấy có thể làm các khu nhà tĩnh tu cho những người già cả, về hưu lên ở trên đây tu hành, dưỡng lão, nghỉ ngơi; mùa Hè lên đây nghỉ mát và nghe giảng về đạo Phật cũng rất tĩnh mịch.

Lập nghĩa trang

Năm 1941 Hội mua được năm mẫu ruộng thuộc địa phận làng Mọc Thượng Đình để làm nghĩa trang. Trong đó có một ngôi chùa lấy tên là Tê Độ. Hội giao toàn quyền cho ông Nguyễn Hữu Kha, Trưởng Ban Hộ niệm cùng toàn ban phụ trách mọi công việc.

Trường học Phổ Quang

Hội còn được ông chủ hiệu Nhật Chương, phố Hàng Thiếc, Hà Nội, bạn thân của ông Nguyễn Hữu Kha cúng một mẫu ruộng thuộc địa phận Mộc Chính Kinh (ruộng giáp cây số 7 đường Hà Nội – Hà Đông) và cúng cả tiền xây cất thành một ngôi trường học phổ thông. Công việc này cũng lại do ông Nguyễn Hữu Kha đảm nhiệm, trông coi xây dựng. Việc này được khởi công và giữa năm 1941.

Chùa Cao Phong

Năm 1942, bà Nguyễn Thị Uyển (bà Cả Mộc), Hội trưởng Hội tế sinh Hà Nội mua được một số ruộng hơn 40 mẫu ở làng Phú Ninh, huyện Đông Anh, Phúc Yên, và xây dựng lên một ngôi chùa lấy tên là Cao Phong có đầy đủ nhà cửa, phòng xá. Sau đó, bà cúng chùa này cho Hội. Hội thỉnh Hòa Thượng Thích Thanh Thuyên (Tuệ Tạng) làm trụ trì và đưa một số Tăng sinh lên đây tu học dưới sự giáo huấn của Hòa Thượng.

Nhận chùa Côn Sơn

Thời gian này, Hội cũng nhận cả chùa Côn Sơn thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương. Hội cử Thượng Tọa Tố Liên đi lại trông coi, và đưa một số các sư vào tu học, làm việc trong ấy. Chùa Côn Sơn chính là nơi Tổ Huyền Quang đời Trần tu học, cũng chính là nơi mà ông Nguyễn Trãi xưa kia đã ở trong một thời gian dài.

Nhận chùa Hương Hải

Chùa Hương Hải thuộc huyện Nam Sách, Hải Dương. Đây là quê hương và nơi tu hành của Tô Pháp Loa đời Trần. Dân làng cúng vào Hội. Hội thỉnh Thượng Tọa Thái Hòa về trụ trì.

Kiến thiết từng lâm

Khi tới Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy chùa cảnh ở đây so với nước ta hiện nay cách xa quá nhiều. Phật giáo nước ta tuy đã có hàng nghìn năm rồi mà nay nếu có đoàn Phật giáo nước ngoài tới tham quan, khảo cứu về tinh thần cũng như hình thức, thật khó có nơi nào xứng đáng để cho họ chiêm bái và tham quan khảo cứu được. Nói về Kinh sách thì ngoài những Kinh sách chữ Hán do Trung Quốc truyền sang, ta khắc in lại, Kinh sách bằng tiếng Việt rất ít. Về hình thức, chùa cảnh cũng không được mấy nơi đáng để ý. Nay cần có một cơ sở xứng đáng làm trung tâm tiêu biểu cho Phật giáo toàn quốc. Chùa Quán Sứ, Hà Nội chỉ có thể tạm thời làm nơi làm việc trong lúc đầu chấn chỉnh và chỉ là nơi làm việc của Hội ở Hà Nội mà thôi.

Vì thế Hội xây dựng chùa Quán Sứ nhỏ hơn kiểu mẫu đã chấp thuận. Không lúc nào chúng tôi không nghĩ tới việc kiến thiết từng lâm. Chúng tôi thường đem việc xây dựng từng lâm nói với những người có lòng nhiệt thành về việc chấn hưng Phật giáo nước nhà, cả chư Tăng cũng như cư sĩ ở ngoài, được rất nhiều vị tỏ ý tán thành.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Năm 1943, nhân đại hội đồng của Hội, có đông đủ các Hòa Thượng và đại biểu khắp nơi về họp, chúng tôi soạn thảo "Dự án kiến thiết từng lâm" và đem ra trình hội đồng quyết định. Đại cương bản dự án như sau:

"Kiến thiết một ngôi chùa trên một khu đất rộng hơn 50 mẫu Bắc bộ (20 mẫu Tây). Chánh điện rộng khoảng 3.000 m², nhà Pháp bảo (thư viện) rộng 500 m², làm ba tầng. Còn các nhà Tổ, nhà Tăng đều làm hai tầng. Ngoài ra còn có trường đại học, nhà thương. Mỗi khu rộng khoảng 10 mẫu Bắc bộ, đều làm cho đầy đủ tiện nghi, hiện đại. Có những khu dành riêng cho các viên chức trong nhà thương, trường học. Có những nhà an dưỡng để cho những vị già yếu nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng. Ngoài ra còn có nhà in và khu nghĩa trang. Khu nghĩa trang sẽ làm một ngôi nhà rất trang nghiêm để những hộp xương (cốt). Sau khi chết sẽ chôn. Ba năm sau cải táng, thiêu cốt xong gói vào đây thờ vĩnh viễn.

Phương pháp tổ chức

Thành lập một ban hưng công chính, chủ trương về đại thể. Còn như nhà thương, trường học... mỗi khu lập một ban riêng. Ban này sẽ mời các vị bác sĩ, đốc học, giáo sư, là những người trong Hội đứng ra tổ chức. Về chùa cùng các cơ sở khác đều do chư Tăng đảm trách.

Thời gian kiến thiết dự định là 10 năm. Về tài chánh, không xin lập sổ quyên góp, chỉ nhận tiền của những người tự nguyện, phát tâm cúng hỷ và cũng nhận những món tiền ký hậu. Ngoài ra, ban hưng công sẽ vay của tất cả các Hội viên Tăng, Ni, thiện tín trong Hội, mỗi năm mỗi người là 1 đồng với thời hạn là 10 năm. Nếu người nào có khả năng cho vay thêm thì càng tốt. 10 năm sau Hội sẽ hoàn trả lại số tiền đã vay bằng cách xổ số trả dần.

Số tiền các Hội viên cho vay sẽ do Ban Trị sự của Hội ở Trung ương hay địa phương nhận giúp rồi chuyển lên cho Ban Hưng công. Còn thập phương Tăng, Ni, thiện tín muốn cúng cũng gửi cho Ban Trị sự hoặc gửi thẳng cho Ban Hưng công. Ban Hưng công không cử một người nào đi quyên góp ở bất cứ đâu cả. Làm như thế để tránh tình trạng có người lợi dụng danh nghĩa của Hội."

Khi đem ra bàn bạc, được hội đồng hoan hỉ chấp thuận tất cả những điều kể trên. Nhưng hội đồng đề nghị việc này nên lấy danh nghĩa chư Tăng đứng ra chủ trương thì thuận tiện hơn. Hội hứa nhất tâm ủng hộ về mọi phương diện mà Hội có thể làm được.

Sau đây ít lâu, Ban Chứng minh Đạo sự họp. Phiên họp này cũng có đông đủ các Hòa Thượng, Thượng Tọa, Tăng Ni trong Hội tham dự, bàn bạc về vấn đề này. Cuối cùng, thành lập được Ban Hưng công do các Hòa Thượng đứng chủ và bầu Hòa Thượng trụ trì chùa Hương Tích làm thủ quỹ và ủy đặc quyền cho tôi (Trí Hải) đứng tên mua đất cho hợp lệ. Bấy giờ tôi có đề nghị mua khu đất giáp ga Thường Tín thuộc hai làng Vân Trai và Bình Vọng. Ở đây đi lại thuận tiện và có

thể điều đình mua được. Hội đồng cử một ban đi xem địa thế, có mời cả các vị cư sĩ cùng đi. Hôm đi, bên chư Tăng có Hòa Thượng Còn, tôi; bên cư sĩ có ông Dương Bá Trạc, ông Lê Toại.

Sau khi xem xong, tôi tiến hành ngay việc viết văn tự mua đất. Kết quả, sau vụ tháng 10 năm 1944, mua được tất cả hơn 21 mẫu ruộng của tư nhân. Ngoài ra còn toàn là ruộng công như ruộng của họ Phan, Giáp... Những ruộng công này không ai có quyền mua bán. Nhưng họ đồng ý cho Hội mua ruộng bên ngoài khu vực đó để đổi cho họ. Tất cả nhân dân trong khu vực này đều vui mừng khi thấy Phật giáo kiến thiết từng lâm tại đây, sẽ làm cho vùng này trở nên thịnh vượng, vui vẻ thêm. Bây giờ làng nào chung quanh cũng có chi hội Phật giáo cả rồi. Số hội viên ở đây cũng có hơn một vạn người.

Số đất dự trữ mua là trên 50 mẫu nhưng phải đợi mua đất bên ngoài để đổi nên số tiền mua đất vẫn còn. Ngay bây giờ tôi liền tính đến việc khởi công vượt đất và đắp lò nung vôi gạch. Tháng 11 năm 1944 bắt đầu tiến hành vượt đất và đắp lò nung gạch ngay trong khu đất đã mua. Đã chở về đây được 500 tấn than mua từ mỏ than Bạch Thái.

Trong khi đi lại, liên hệ công việc ở chùa Yên Tử, tôi có đem việc này nói với hai anh em Bạch Thái Tông và Bạch Thái Đào. Cả hai đều rất vui mừng khi thấy Phật giáo nước nhà có cơ duyên mở mang, phát triển như thế và hứa sẽ góp phần, góp sức vào công việc kiến thiết. Hai ông hứa: Số than nung vôi gạch làm từng lâm hết bao nhiêu mỏ sẽ cho chở tới, làm cho đến đủ; còn tiền bạc thì lúc nào thanh toán cũng được. Tôi có trình bày sơ qua bản dự thảo kiến thiết từng lâm cho hai ông nghe và nói: "Trong khi làm cũng cần phải có những nhà hảo tâm hảo sản giúp sức vào mới mong đạt kết quả. Nhất là Ban Hưng công cần phải có những nhà ngân hàng bảo trợ để khi cần đến thì có thể được giúp đỡ ngay, giúp cho công việc kiến thiết không bị ảnh hưởng." Hai ông hỏi: "Hiện này có những vị nào trong Ban Hưng công?". Tôi trả lời: "Tất cả các Hòa Thượng trong Hội đứng chủ trương xây dựng và đã mời được Hòa Thượng trụ trì chùa Hương Tích làm thủ quỹ. Ngoài ra, Hội còn được mấy nhà mộ Đạo phát tâm hợp tác vào ban Hưng công, giúp về phần tài chánh như nhà Cát Hành Long, ông Trịnh Xuân Nghĩa, ông Hoàng Gia Luận... là những người mà cần đến tiền đều có thể tạm ứng ngay được." Hai ông nghe xong đều nói: "Việc này thế nào cũng thành công tốt đẹp. Vậy anh em chúng tôi xin được đứng vào Ban Hưng công để góp phần xây dựng."

Đến tháng giêng năm 1945 bắt đầu vượt đất và nung gạch. Đến hết tháng hai nung được hai lò gạch và vượt được 7 mẫu đất. Công việc vượt đất và nung gạch Hội uỷ thác cho một số hội viên ở ngay địa phương trông coi giúp, chúng tôi chỉ đi lại thôi vì còn bận nhiều việc khác, nhất là việc cứu tế cho đồng bào bị đói.

Chuyển sang việc cứu tế

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Cuối năm 1944, ở Hà Nội, các hội từ thiện cùng các nhà báo: Trung Bắc, Đông Pháp, Ngọ Báo, Hội Phật Giáo, Phúc Thiện, Hợp Thiện, Quảng Thiện và Hội Thánh bên Gia Tô hợp thành một ban lấy tên Cứu Tế Mùa Đông để giúp đỡ đồng bào thiếu áo. Sang tháng Giêng năm 1945 nạn đói ngày càng trầm trọng.

Bấy giờ tôi được Hội Phật giáo cử làm đại diện để cùng với các đoàn thể làm việc cứu tế. Lúc đầu ban cứu tế chỉ giúp quần áo mùa Đông mà thôi. Nay cần phải giúp về ăn uống mới đủ. Chúng tôi liền thảo ra một bản điều lệ thành lập một hội lấy tên là Tổng hội Cứu tế, họp ngay tại chùa Quán Sứ, được toàn ban Cứu tế mùa Đông cộng tác. Ngoài ra, còn được rất đông các nhà trí thức, từ thiện hưởng ứng nhiệt tình. Lúc đầu bầu ông Nguyễn Văn Tố làm Hội trưởng Ban Trị sự, tôi làm cố vấn.

Cần phải tập trung cứu giúp đồng bào nên việc kiến thiết từng lâm tạm ngưng. Một mặt, Hội cử đại diện tham gia liên lạc với các đoàn thể trong Tổng hội Cứu tế, một mặt, tôi liên lạc với các chùa và các chi hội để tìm phương pháp làm việc, cứu tế trong Phật giáo. Trung tuần tháng hai tôi về Nam Định, đi đường, không mấy lúc không thấy những người nằm quần quai hoặc đã chết... Tới chùa Cổ Lễ, thấy các sư chỉ còn có vài vị ở nhà. Giám viện là Thượng Tọa Phạm Thế Long cũng đi vắng. Tôi hỏi: "Ở đây các vị có làm gì để cứu giúp đồng bào không?".

Có vị trả lời: "Khó lắm. Tiền ít, gạo không có thì làm thế nào được? Có lẽ nay mai các sư cũng phải đi hết."

Tôi nói: "Đây là nơi danh tiếng. Giữa lúc tình thế khó khăn như thế này, nếu không làm gì cứu giúp đồng bào tất sẽ có ảnh hưởng cho Phật giáo. Nay các vị có thể nấu cháo cho mỗi vị mỗi ngày một bát gọi là cơm hơi. Tuy biết làm như thế chỉ kéo cái chết chậm lại thôi chứ không thể cứu cho tất cả mọi người đều sống được. Nhưng dù sao cứu được một người cũng quý. Bấy giờ tôi xin giúp vào đây một tạ gạo để các vị nấu cháo dần cho những người đói ở gần đây, chờ Thượng Tọa Giám về chúng tôi sẽ làm rộng rãi hơn.". Nói xong tôi ra phố mua một tạ gạo hết 500 đồng đưa vào chùa ngay.

Khi Thượng Tọa Phạm Thế Long về, tôi bàn việc này. Thượng tọa nói: "Nguy lắm. Ở đây cũng không còn tiền mà gạo thì khó đong lắm. Nếu không đong được gạo của nhà nước thì không thể làm gì được. Về tiền thì tôi có thể vay giúp rồi trả sau."

Tôi trả lời: "Được. Thế Thượng Tọa lên tinh với tôi."

Hai chúng tôi cùng lên thì xã Nam Định. Bấy giờ ông Từ Bộ Thực làm Tổng đốc. Chúng tôi vào thưa chuyện, xin ông giúp cho việc đong gạo nhà nước để cứu giúp đồng bào. Được ông nhận lời. Ra ngoài tôi lại mượn được 2.000 đồng. Về sau tôi xuống, được Thượng Tọa cho biết lúc ấy đong được 50 tạ với giá 50 đồng một tạ. Số gạo đong được để lại cho các chùa trong tỉnh. Chùa nào bị thiếu đều được 20

ký. Còn ở chùa Cổ Lễ vẫn tiếp tục nấu cháo cho đồng bào đến ăn hàng ngày cho đến mùa lúa chín và nuôi được một số các em mồ côi.

Nghề nói ở Lạng Sơn giá gạo thị trường chỉ có 250 đồng một tạ trong khi ở dưới này đã từ 500 đồng trở lên vì vấn đề chuyên chở và phép tắc khó khăn. Bây giờ quân Nhật đã chiếm Đông Dương rồi. Chúng tôi liền tìm cách xin phép và xin toa tàu hỏa lên Lạng Sơn đóng gạo đem về gửi cho các nơi có hội Phật giáo.

Lên Lạng Sơn giao tiền, nhờ người đóng gạo hộ xong tôi về Hà Nội. Khi được tin đã đóng đủ số gạo tôi cho người lên nhận mang về. Trên đường mang về bị cản trở. Tôi liền lên đề can thiệp nhưng bị hiến binh Nhật bắt giữ để điều tra xem có phải đó là số gạo mà chúng bị mất không. Chúng giữ tôi ở chùa Thành mất 7 ngày. Mỗi ngày bị tra hỏi có khi tới hai, ba lần. Sau ở nhà phải nhờ một vị sư người Nhật can thiệp chúng mới cho tôi về. Số gạo đóng được một toa (100 tạ), về chia cho Hội Tế sinh một phần, còn gửi đi mỗi nơi một ít để cứu giúp đồng bào.

Được tin gạo và khoai sắn ở Thái Nguyên cũng hạ giá, tôi liền lên đấy xem tình hình. Khi lên tới xem thì thấy đường vận tải khó khăn, không có xe lửa nên không thể nào vận chuyển về được. Do đó, Hội quyết định đưa một số người bị đói của các nơi đang trú tạm tại chùa Quán Sứ lên ở nhờ chùa Hang, trong đồn điền Đồng Bầm của nhà Cát Hành Long. Chùa này cũng đã hướng cúng vào Hội từ trước.

Bây giờ chư Tăng của Hội và Thượng Tọa Tâm Nguyên lên trông coi, giúp đỡ đồng bào trên Thái Nguyên. Trước sau, ở đây nuôi được hơn 100 người, bị chết mất bốn người. Khi con đói đi qua, đến mùa lúa, số người còn lại đều về quê quán được cả. Hiện nay thượng Tọa Tâm Nguyên đang ở chùa Vọng Cung, trụ sở Phật giáo Nam Định.

Trên đây là việc từ thiện xã hội của Hội Phật giáo mà tôi đã góp phần giao dịch, phục vụ. Ngoài ra, hằng ngày tôi cũng còn tham gia công việc của Tổng hội Cứu tế. Bây giờ Tổng hội lập một trại nuôi đồng bào bị đói ở Giáp Bát, Ngã tư Vọng. Trung bình lúc nào cũng có từ 3000 người trở lên, có lúc lên tới gần 5000 người. Nhưng hằng ngày chết cũng khá nhiều.

Do đó, khi chính phủ thành lập có mời tôi làm cố vấn của Bộ Xã hội do ông Nguyễn Văn Tố làm Bộ trưởng. Phiên họp đầu tiên để thành lập Ban Cứu đói Thủ đô do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa, họp ở nhà Bác Cổ. Có cả ông Phạm Văn Đồng (sau này là Thủ tướng) tham dự. Tôi cũng được dự phiên họp này.

Về hoạt động văn hóa của Hội

Trong thời kỳ này, Hội vẫn tích cực in Kinh sách và báo Đuốc Tuệ vẫn phát hành như thường lệ. Hội còn trụ bị xuất bản một tờ nhật báo lấy tên là "Tinh Tiến" nhưng vì giấy khan hiếm nên chỉ mới ra mỗi tuần ba kỳ vào các ngày thứ ba, thứ năm và thứ bảy.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Chúng tôi thành lập trường học của Ni chúng ở chùa Bồ Đề từ năm 1941, sau khi trường Tăng không còn ở đây nữa. Số ni sinh có hơn 30, do các vị Thượng Tọa, Ni và các sư ở Huế ra giúp việc giảng dạy.

(Ảnh một số nhân viên trong ban sáng lập hội, chụp tại chùa Quán Sứ cũ hôm tiễn chân ông Trần Văn Giác về Nam Kỳ năm 1936).

Đây là ảnh một số nhân viên trong ban sáng lập hội, chụp tại chùa Quán Sứ cũ hôm tiễn chân ông Trần Văn Giác về Nam Kỳ năm 1936



Từ trái sang phải hàng đứng có: ông Lê Dư, Trần Trọng Kim, Nguyễn Quang Oánh, Lê Văn Phúc, Nguyễn Văn Vĩnh, Bùi Xuân Thành, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Quế, Trần Văn Phúc, Nguyễn Văn Canh và ông Trần Văn Giáp.
Hàng ngồi có: ông Lê Toại, Trí Hải, Trần Văn Giác, Nguyễn Năng Quốc, Nguyễn Quốc Thành, Bùi Kỳ, Nguyễn Đỗ Mục và ông Văn Quang Thù

THỜI KỲ THỨ TƯ :

HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Công việc của Hội Bắc Kỳ Phật giáo vẫn hoạt động, báo Đuốc Tuệ và Tinh Tiến vẫn phát hành cho đến ngày Cách Mạng Tháng Tám thành công. Sau Cách Mạng Tháng Tám, Chính phủ ban hành sắc lệnh tất cả các hội và báo chí đã có từ trước đều phải xin phép và đổi tên lại.

Trong thời gian đó, mọi công việc của Hội đều tạm ngưng. Như vậy, báo Đuốc Tuệ ra tới đây được 11 năm, báo Tinh Tiến chưa đầy một năm. Bấy giờ chỉ còn có chư Tăng trong Hội hoạt động các công việc về Phật giáo, thành lập Ủy ban Tăng già Bắc Việt do Hòa Thượng Thích Mật Ứng làm Chủ tịch, Thượng Tọa Thích Tô Liên làm Phó Chủ tịch. Báo Đuốc Tuệ (1935-1945) nay đổi là Diệu Âm do Thượng Tọa Tô Liên làm chủ bút, tờ Tinh Tiến nghỉ hẳn.

Trường Phổ Quang mới làm được 5 phòng và các nhà phụ, tạm thời sử dụng làm nơi nuôi các em mồ côi. Số các em này ở trại Giáp Bát khi giải tán còn lại hơn 200 em không người cấp dưỡng, Tổng Hội Cứu tế cho chuyển về đây để Hội Phật giáo trông coi giúp đỡ các em. Thượng Tọa Tô Liên làm Trưởng ban Cứu tế trong ủy ban Tăng già cùng với ông Nguyễn Hữu Kha và một số Tăng, Ni phụ trách việc trông coi nuôi dạy các em. Vì quỹ Tổng Hội Cứu tế giúp còn thiếu nên Hội Phật giáo phải đảm nhiệm.

Tổng Hội Cứu tế giải tán, ông Nguyễn Văn Tố lên làm Bộ trưởng Bộ Xã hội. Tôi cũng được Chính phủ mời làm cố vấn Bộ Xã hội nên thường công tác trong Ban Cứu tế Trung ương của Chính phủ tức cơ quan cứu đói để giúp đồng bào. Do đó,

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

lúc này tôi ít tham gia việc Phật giáo, chỉ đi lại trông coi, lo liệu về tài chính của trường Tăng cho đến khi dời về chùa Phúc Chính ở Ninh Bình. Khi chiến tranh xảy ra, trường tạm đóng cửa.

Theo Nghị định số 158 VV/PG, ngày 13/5/1946 của Bộ Nội vụ Chính phủ Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Hội được phép lấy tên là Hội Phật giáo Việt Nam. Đây chỉ là đổi tên. Mục đích, tôn chỉ vẫn như cũ. Công việc lại tiếp tục hoạt động đến cuối năm 1946 tức mới được 5 tháng thì Hà Nội bùng nổ chiến tranh, các hội viên tản cư mỗi người một nơi. Công việc của Hội tại Hà Nội lại tạm ngưng hoạt động.

Về các em ở trường Phổ Quang. Vì không còn liên lạc được với cơ quan cứu tế nên phải tản cư cho được một số các em còn biết được quê quán về với họ hàng. Còn lại hơn 70 em không còn về đâu được. Bấy giờ ông Nguyễn Hữu Kha với tôi chia nhau mỗi người nhận nuôi một nửa. Ông cho chuyển các em lên Hà Đông rồi lên Phúc Yên. Nhà in trước chuyển xuống chùa Tế Độ, đến đây không mang đi được nên chôn cất dưới đất. Sau cùng bị phá hủy cả chùa, các máy móc cùng dụng cụ nhà in đều bị mất hết.

Tôi đưa hơn 30 em mồ côi về chùa Đông Kiệt huyện Khoái Châu, Hưng Yên. Chùa này cũng hướng cúng về chùa Quán Sứ. Chư Tăng cử các sư về trông coi và tôi đi lại giúp đỡ. Vì chùa cũ nát quá nên hồi tháng 9 trước khi Hà Nội xảy ra tác chiến, dân làng và chi hội Phật giáo ở đây yêu cầu tôi về trông coi giúp việc xây dựng chùa nên tôi cũng tản cư về đây.

Vừa dỡ chùa ra thì nghe tiếng súng ở Hà Nội vang rền suốt ngày đêm. Đã trót dỡ chùa rồi nên chúng tôi cố gắng thu xếp làm xong trước Tết. Cuối cùng làm được 9 gian, đủ chỗ thờ ngay trước Tết. Chiến tranh ngày càng ác liệt, đồng bào chạy ra ngoài ngày càng đông, trong đó có các em bị mất liên lạc với gia đình, trở nên bơ vơ. Mỗi khi gặp trường hợp như thế, chúng tôi đưa các em về nuôi cùng các em được đưa từ Hà Nội về. Đồng thời, chúng tôi cũng liên lạc với ban tản cư di cư, cho hay nếu thấy em nào mất liên lạc với gia đình, đưa đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi nhận nuôi các em từ 11 đến 15 tuổi, dự định nuôi các em đến 18 tuổi, đủ sức tự lập thì thôi.

Lúc quân địch tràn xuống gần Khoái Châu, chúng tôi lại đưa các em về chùa An Ninh, huyện Phụ Dục, tỉnh Thái Bình nơi Hội Phật giáo có số ruộng của trường Tăng học ở đấy. Về đây, chúng tôi lại liên lạc với ban tản cư di cư và công an rằng nếu có em nào mất liên lạc với gia đình trong độ tuổi từ 15 trở xuống, đưa đến chỗ chúng tôi nuôi. Số các em mỗi ngày một đông. Nếu để đông quá sợ máy bay dòm ngó và khó điều khiển nên mỗi nơi chúng tôi chỉ nuôi tối đa 30 em.

Chúng tôi lại chuyển sang chùa Mai Xá, Lý Nhân, Hà Nam, nơi chúng tôi ở trước đây. Về đây chúng tôi cũng thành lập một nơi nuôi các em ở vùng này, giao cho sư ông Tâm Giác cùng các sư nuôi dạy. Có nhiều em khi chạy giặc bị mất liên lạc với gia đình, vào ở với chúng tôi một thời gian, khi liên lạc được với người nhà

thì trở về với gia đình. Em này ra, em khác vào. Trung bình lúc nào cũng có trên 30 em, về kinh phí nuôi các em chúng tôi phải tự túc. Vấn đề ăn chúng tôi cùng các em trồng lúa, trồng rau... Còn mặc thì làm thủ công nghệ như đan mũ cối, kéo sợi, xe đay, dệt chiếu v.v... Lấy số lãi mua quần áo và giấy bút cho các em học. Ngoài ra, các em còn để dành được cả tiền mua công phiếu kháng chiến và làm vốn nuôi gà, vịt...

Chúng tôi lấy tiền bán sách báo và mượn thêm một số nữa để sắm sửa dụng cụ và nguyên vật liệu. Lúc Hà Nội gần tác chiến, chúng tôi in và mang ngay ra hậu phương bán được 5000 cuốn *Nghi thức tụng niệm hằng ngày* bằng tiếng Việt, 6000 cuốn *Khôn sống* (sách đọc bình dân). Cuốn *Khôn sống* nay đổi tên thành *Gia đình giáo dục*. Bây giờ được các nhà trường bình dân rất ưa thích. Cuốn *Nghi thức tụng niệm hằng ngày* được tin đồ rất ưa chuộng. Do đó, sách bán rất chạy. Cũng vì lúc ấy các sách giáo khoa cũ không dùng nữa, sách mới của Chính phủ lại chưa in kịp mà vẫn trong hai cuốn trên lại rất thích hợp. Trong thời gian tản cư ở hậu phương, ngoài việc lo nuôi các em mồ côi, tôi khuyên một số các sư nên theo học Quốc ngữ. Ngoài ra, tôi còn viết được mấy cuốn sách như *Truyện Phật Thích Ca*, *Phật học phổ thông*, *Phật học ngụ ngôn*...

Năm 1947, các sư ở Hà Nội đi tản cư bắt đầu trở về chỗ cũ, bị các nhà đương cục không cấp giấy tờ, làm khó dễ, không cho ở Hà Nội. Các sư phải tổ chức Liên đoàn Tăng Ni nội ngoại thành để tiếp xúc giao dịch, giải quyết các công việc cho các chùa. Vì bây giờ có nhiều chùa nguy quyền đã giao cho một số người khác ở.

Năm 1948 cũng có một số các hội viên Hội Phật giáo di cư liền chấn chỉnh lại công việc, bầu thành ban trị sự, tiếp tục tiến hành công việc văn hóa, xã hội. Bây giờ cũng có nhiều em vì chiến tranh mất cả gia đình, không nơi nương tựa nên Hội bầu ra ban cứu tế do Thượng Tọa Tố Liên làm trưởng ban, thu nhận các em về nuôi và dạy chữ cũng như dạy nghề. Cơ sở đặt ngay tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Sau vì đông quá nên lại chuyển các em xuống hội quán Hội Tế sinh ở ngõ Ngõ Sĩ Liên, phố Sinh Từ (Hà Nội). Nuôi các em ở đây mãi cho đến năm 1946 mới chuyển sang cơ quan cứu tế của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1949 Hội mua lại toàn bộ nhà in Đông Phương về tái lập nhà in Đuốc Tuệ để in ấn Kinh sách, báo chí... tổ chức Tăng Ni nội ngoại thành được đổi tên thành Chính lý Tăng già Bắc Việt.. Đại cương là duy trì, hoàng dương Phật pháp, bảo tồn các chùa cảnh, chống lại việc lập Ban Quản trị Đình Chùa của thành phố. Năm 1950, tổ chức này lại đổi tên thành Hội giáo Tăng già Bắc Việt do Thượng Tọa Tố Liên làm Chủ tịch và suy tôn Hòa Thượng Mật Ứng lên ngôi vị Pháp chủ. Mở trường Ni học tại chùa Vân Hồ, phố Bà Triệu, Hà Nội; xuất bản tờ báo nguyệt san lấy tên là Phương Tiện. Còn Hội Phật giáo thì xuất bản tờ Tin tức Phật giáo, ra hàng tuần vào ngày thứ bảy. Hội cũng làm thêm một khu nhà trong khuôn viên chùa Quán Sứ để mở trường tư thục tiểu học, lấy tên là Khuông Việt. Tuy hai tổ chức có hơi khác nhau nhưng cùng một mục đích là làm việc để phục vụ văn hóa và xã hội Phật giáo.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Ngày 8 tháng 6 năm 1950 Đại hội Phật giáo Thế giới họp ở Colombo, thủ đô Tích Lan (Sri Lanka) có mời Giáo hội Tăng già Phật giáo Việt Nam tham dự. Hội Phật giáo cử Thượng Tọa Tố Liên làm Trưởng đoàn sang tham dự. Tại Hội nghị, Thượng Tọa được cử làm Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thế giới.

Năm 1948 trở đi, Hội Phật giáo trung ương tái hoạt động, những nơi bị địch tạm chiếm cũng vẫn tiếp tục hoạt động. Chùa Vọng Cung, hội quán Chi hội Phật giáo Nam Định trong chiến tranh bị thiêu hủy không còn gì. Năm 1950 vẫn còn phải lễ bái, hội họp nhờ ở ngôi đền Tam Thánh, phố Vải Mẫn, mãi đến cuối năm mới trừ liệu kiến thiết lại chùa, hội quán. Khi làm xong được ngôi nhà Tổ tạm thay cho chùa thờ Phật (tuy nhỏ nhưng cũng đủ làm nơi thờ phụng, lễ bái, diễn giảng). Ngoài ra còn hoàn thành một số nhà phụ khác. Chi hội lại được Hòa Thượng Thích Thanh Huyền (Tuệ Tạng) về trụ trì, khai hóa cùng một số các sư theo học. Sau lại làm được ngôi học đường. Ngôi chùa chính dự định làm cho rộng, trang nghiêm để thờ Phật và để đáp ứng đủ nhu cầu của một thành phố có đông hội viên, nhiều thiện tín tới quy y, lễ bái... nhưng tất cả vẫn còn trong thời kỳ trừ liệu.

Chi hội Phật giáo tỉnh Kiến An cũng kiến thiết lại ngôi chùa Đại Giác đã bị tàn phá trong chiến tranh.

Năm 1952 Hội Phật giáo Thế giới lại họp Hội nghị lần thứ hai tại Đông Kinh, Nhật Bản. Thượng Tọa Tố Liên được Hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Tăng già cử làm trưởng đoàn sang dự Hội nghị.

Trường Vạn Hạnh

Chùa Hàm Long là danh lam cổ tích của Hà Nội, hồi chiến tranh đã bị thiêu hủy, mãi tới năm 1953 vẫn chưa xây dựng lại được. Bây giờ lại bị thành phố và ngoại đạo lấn le lấy khu đất đó.

Hội Phật giáo và Giáo hội Tăng già đấu tranh giữ lại. Sau đó thành lập ban hưng công để kiến thiết lại toàn bộ khu vực chùa và trường trung tiểu học cho Ni giới. Vì lúc bấy giờ ở Hà Nội rất ít trường học nên cần xây dựng trường học trước. Tiền quỹ hoàn toàn không có, Giáo hội giao cho ban hưng công tất cả công việc từ dự trù, thiết kế đến thi công, kể cả việc vận động tài chính. Ngoài số tiền do Tăng, Ni, thiện tín phát tâm ủng hộ, còn thiếu bao nhiêu thì ban hưng công tự vay tạm rồi trả dần sau, không xin phép lạc quyền ở đâu cả. Bấy giờ Giáo hội bầu tôi làm Trưởng ban. Tôi cố từ chối nhưng không được. Kết quả trong sáu tháng đã làm được hai ngôi nhà hai tầng, mỗi nhà có bốn phòng học. Mỗi phòng rộng 6 mét, dài 8 mét, chưa kể hiên. Ngoài ra còn có một ngôi nhà làm văn phòng và lớp gia đình cùng các nhà phụ. Những ngôi nhà lớn đều làm bằng xi măng cốt thép. Tất cả các nơi đều đầy đủ dụng cụ.

Trong hai ngôi nhà hai tầng này có một ngôi của ban Ưu bà di học Phật pháp, phát tâm cúng vào để làm trường và tu viện của ban. Tất cả số tiền làm trường và sắm dụng cụ hết trên một triệu đồng (Đông Dương). Bắt đầu kỳ nghỉ hè năm 1954

trường học được hoàn thành và khai giảng ngay lớp hè, lấy tên là trường Vạn Hạnh.

Khu vực chùa cùng các nhà cửa phía trong cũng đã dự trù làm hai tầng cả, khi hoàn thành cũng dành riêng cho ni chúng và tín nữ làm nơi tu học, phụng sự Phật pháp. Giáo hội cũng dự trù tìm một khu đất rộng để làm trường học cho các nam Phật tử, trong trường sẽ có đầy đủ tiện nghi theo quy mô hiện đại.

Dự lễ Cao Miên

Năm 1953 nước Cao Miên rước xá lợi Phật từ Ấn Độ về, làm lễ cầu nguyện hòa bình, có mời Phật giáo các nước lân cận, trong đó có Việt Nam sang dự lễ. Hội Phật giáo và Giáo hội Tăng già cử chúng tôi sang dự cùng các đại biểu trong Nam. Lễ được cử hành rất trọng thể và chúng tôi cũng được đón tiếp nồng hậu. Ban tổ chức đưa các đại biểu đi tham quan những nơi danh lam thắng cảnh, thuê riêng máy bay đưa các đại biểu đi tham quan cảnh Đé Thiên, di tích lịch sử của Cao Miên, còn là một nơi danh thắng nổi tiếng trên thế giới. Rất tiếc thời gian tham quan chỉ có hạn nên chỉ xem đại khái, không thể nào nhớ hết được và tả sao cho xiết những kỳ công, sự hùng tráng của toàn cảnh. Nhân có thợ nhiếp ảnh đi theo, chúng tôi cùng các đại biểu các nước như Ấn Độ, Miên Điện... đều có chụp một số ảnh kỷ niệm. Ngoài ra, chúng tôi cũng gặp đông đủ chư Tăng người Việt cùng các kiều bào bên ấy. Ở Cao Miên cũng đã có nhiều chùa của người Việt và hội Phật giáo riêng cho người Việt. Chúng tôi cũng dự nhiều buổi chiêu đãi và nói chuyện của hội Phật giáo cũng như các chùa của Việt kiều.

THỜI KỲ THỨ NĂM :

TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Vấn đề thống nhất Phật giáo trong cả nước, tất cả những người có nhiệt tình vì Đạo khắp nơi đều mong muốn. Thời tiết nhân duyên đã tới, sự trao đổi giữa các tập đoàn Phật giáo đã thông cảm, việc trừ bị đã sẵn sàng chu đáo. Ngày 10 tháng 4 năm 1951, ba vị Pháp chủ đại diện cho Phật giáo toàn quốc đã ra lời hiệu triệu chiêu tập kỳ họp đại hội đồng để thành lập Hội Phật giáo thống nhất toàn quốc. Dưới đây là nguyên văn lời hiệu triệu.

Lời hiệu triệu thống nhất Phật giáo
(ngày 10/4/1951, Phật lịch 2514)

*Đại diện Phật giáo toàn quốc Việt Nam
Kính gửi các đoàn thể:*

- Hội Phật giáo Tăng già Bắc Việt
- Hội Việt Nam Phật giáo Bắc Việt
- Sơn môn Tăng già Trung Việt
- Hội Phật học Việt Nam Trung Việt
- Giáo hội Tăng già Nam Việt
- Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thời cục hiện đại đã làm cho nhân loại thấy rõ được hạnh phúc chân thật trong đạo Phật, nên càng ngày quy ngưỡng càng đông, chính là lúc những nhà có sứ mạng truyền đạo và những Phật tử chân chính phải cần kịp thống nhất ý chí, lực lượng để hoằng dương chính pháp của đức Thích Ca Thế Tôn hầu góp phần xây dựng nền hòa bình an lạc.

Ở nước ta xưa nay tùy duyên, mỗi địa phương giáo pháp tổ chức riêng biệt nhưng với tình thế hiện tại, chúng ta không thể rời rạc nhau mà cần phải thống nhất lại thành một đoàn thể lớn mạnh để việc truyền bá chính pháp được nhiều bề thuận lợi.

Vì nhận xét như trên, chúng tôi ký tên sau đây: Đại diện cho Phật giáo toàn quốc phát nguyện đứng ra triệu tập các đoàn thể sơn môn Tăng già Trung Việt, Tăng già Bắc Việt, Hội Việt Nam Phật giáo, Hội Việt Nam Phật học Trung Việt, Hội Phật học Nam Việt, hầu cùng nhau hòa hợp lại thành một lực lượng to lớn thống nhất và để đi đến sự thống nhất thật sự cần phải có cuộc hội nghị đại biểu của các đoàn thể trên để định đoạt.

THÍCH TRÍ HẢI

Chúng tôi tha thiết yêu cầu các đoàn thể hãy cử các đại biểu (đoàn thể Tăng 7 đại biểu, cư sĩ 8 đại biểu, kể theo kỳ bộ) về họp hội đồng ấy tại chùa Từ Đàm, Huế vào các ngày 1,2,3 và 4 tháng 4 âm lịch tức ngày 6,7, 8 và 9 tháng 5 năm 1951.

Trông mong các đoàn thể hưởng ứng cuộc hội nghị này hầu được thực hiện nguyện vọng duy nhất của chúng ta là: Thống nhất Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi gửi theo đây hai biên bản của Hội nghị Vận động thống nhất Phật giáo để các đoàn thể hiểu rõ chi tiết trong việc này và chương trình nghị sự của hội nghị.

- Đại diện Phật giáo Nam Việt: Hòa Thượng Đạt Thanh trụ trì chùa Giác Ngộ.

- Đại diện Phật giáo Trung Việt: Pháp chủ Tịnh Khiết.

- Đại diện Phật giáo Bắc Việt: Pháp chủ Mật Ứng.

Theo đúng ngày giờ trong bản hiệu triệu, các đại biểu đã tề tựu tại Huế ngay từ hai hôm trước để nghỉ ngơi và mạn đàm trao đổi ý kiến với nhau.

Đúng 8 giờ ngày 6 tháng 5 năm 1951 cử hành lễ khai mạc tại chùa Từ Đàm, Huế. Thành phần hội nghị: Trừ các đại biểu đã ấn định trong bản hiệu triệu còn có Ban Chiêu tập (ba Hòa Thượng Pháp chủ trong ba miền). Ban Vận động gồm có: Thượng Tọa Tố Liên, ông Bùi Thiện Cơ, Thầy Mật Nguyên, ông Tráng Đình, Thầy Đạt Từ và ông Nguyễn Văn Thọ. Ban Dự thảo Điều lệ gồm có: Thượng Tọa Tố Liên, Thầy Trí Quang, ông Lê Văn Định.

Đại biểu Phật giáo Bắc Việt, bên Tăng có: Hòa Thượng Mật Ứng, Hòa Thượng Thanh Đoan, Thượng Tọa Tố Liên, Trí Hải, Vĩnh Tường, Thầy Tâm Châu, Tuệ Viễn và Thanh Cung (Kim Cương Từ); bên cư sĩ có: Ông Bùi Thiện Cơ, Lê Toại, Viên Quang, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Đình Quế, Nguyễn Văn Bách, Đỗ Công Chân, Đỗ Đình Cảnh.

Đại biểu Phật giáo Trung Việt, bên Tăng có: Hòa Thượng Tịnh Khiết, Thầy Chính Thông, Đôn Hậu, Mật Hiển, Mật Nguyên, Trí Quang, Minh Châu; bên cư sĩ có: Ông Lê Văn Định, Phạm Văn Phúc, Tôn Thất Tùng, Tôn Hồ Cầm, Võ Đình Cường, Nguyễn Hữu Ba, Bửu Du và Nguyễn Hạnh; đại biểu dự khuyết có Thầy Trí Thủ, Trí Giác, Thiện Giải, Giải Huệ, Thiện Siêu, Chơn Thuyên và ông Nguyễn Đóa, Nguyễn Hữu Tuân, Lê Mộng Tùng.

Đại biểu Phật giáo Nam Việt, bên Tăng có: Hòa Thượng Đạt Thanh, Thầy Nhật Liên, Thiện Hòa, Trí Hữu, Định Trí; bên cư sĩ có: Ông Nguyễn Hữu Huỳnh, Trần Khoan Hậu và ông Phạm Văn Vi.

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Trên đây là các đại biểu chính thức của Hội nghị, có quyền biểu quyết. Ngoài ra còn có các vị Tăng, Ni, cư sĩ trong đoàn hội Phật giáo Trung Việt tới tùy hỉ và dự thỉnh rất đông.

Họp luôn trong bốn ngày. Kết quả, Hội nghị đã nhất trí thông qua bản Điều lệ và Nội quy của Hội cũng như bầu được ban Tổng Trị sự cùng các ủy viên. Đúng 18 giờ ngày 9 tháng 5 năm 1951, Hội nghị bế mạc.

Dưới đây là đại cương, mục đích và hệ thống tổ chức của Hội.

Hội lấy tên **Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam**.

Mục đích:

- A) Thống nhất lực lượng, ý chí và hành động của Phật tử Việt Nam.
- B) Hướng dẫn Phật tử Việt Nam theo đúng tinh thần Phật pháp.
- C) Đào tạo tăng tài có đủ khả năng để hoằng dương Phật pháp.
- D) Sách lệ và hộ trì Tăng Ni nghiêm trì giới luật.
- E) Tu tạo và bảo tồn các tu viện, các cơ quan văn hóa, xã hội, giáo dục của Phật giáo.
- F) Giao thiệp hay liên lạc với tất cả các tổ chức Phật giáo trên thế giới nếu tổ chức ấy theo đúng chính pháp.

Muốn đạt được những mục đích kể trên, Hội sẽ thực hiện những điều sau:

- 1) Bỏ dần những bản vị có thể chướng ngại cho công cuộc thống nhất Phật giáo.
- 2) Triệt để tôn trọng uy quyền Viện Tăng thống để giữ quyền tối cao thực hiện quy chế Phật giáo Việt Nam.
- 3) Liên kết các hội trí thức để thiết lập những cơ quan nghiên cứu, dịch giải Kinh điển ra quốc ngữ, san định lại những bản đã dịch rồi, thanh minh những bản xuyên tạc sai giáo lý.
- 4) Thiết lập và chỉnh đốn các đạo tràng theo chương trình tu học sâu rộng và duy nhất.
- 5) Khuyến khích các ngành văn hóa Phật giáo.
- 6) Thiết lập và bảo tồn các trường học tư thực, các cơ sở cứu tế xã hội của Phật giáo.
- 7) Tổ chức các đoàn thể thanh thiếu niên, đồng niên nam nữ Phật tử sống theo tinh thần Phật giáo.
- 8) Hội hữu hóa những cơ sở hiện hữu để thiết lập các cơ quan truyền bá của Hội.
- 9) Bài trừ, gạt bỏ tất cả những gì không phải của Phật giáo mà bên ngoài đã pha trộn vào như mê tín dị đoan...

Hệ thống tổ chức

THÍCH TRÍ HẢI

Hệ thống tổ chức của Hội:

1) Viện Tăng thống: Giữ quyền tối cao về Đạo pháp. Viện này gồm có: Đức Tăng thống, một vị tôn túc làm viện phó, vị tôn túc trị sự các văn phòng, vị tôn túc chương lý các văn phòng chuyên môn. Viện có 7 văn phòng như sau:

- 1) Trị sự
- 2) Nghi lễ
- 3) Duyệt tạng
- 4) Giáo thụ
- 5) Đạo hạnh
- 6) Giám luật
- 7) Giao thiệp.

2) Hội đồng Quản trị Trung ương: Cơ quan liên hiệp cả hai giới xuất gia và tại gia, tập trung nguyện vọng của toàn thể Phật tử, thảo luận và quyết nghị tất cả các công việc Hội trước khi đem thi hành.

3) Tổng trị sự của hai giới Tăng và cư sĩ: Trực tiếp điều khiển các cấp trị sự thi hành nghị quyết của Hội đồng Trung ương.

Hội đồng Trung ương gồm có một hội chủ, một tổng thư ký, hai phó thư ký, một thủ quỹ, hai phó thủ quỹ, một kiểm lý ngân sách cùng các ủy viên. Mỗi ủy viên đứng đầu một chuyên ban. Ban Tổng Trị sự cùng các ủy viên đều do Ban Trị sự Đại hội đồng bầu ra, làm việc trong một nhiệm kỳ ba năm. Những người có năng lực và tín nhiệm vẫn được tái cử. Dưới đây là danh sách Ban Trị sự Trung ương khóa đầu tiên.

Hội chủ: Hòa Thượng Tịnh Khiết

Phó Hội chủ: Thượng Tọa Trí Hải

Ông Lê Văn Định

Tổng Thư ký: Ông Tráng Đình

Phó Thư ký: Thầy Định Trí

Ông Tống Hồ Cầm

Thủ quỹ: Ông Lê Mộng Tùng

Kiểm lý ngân sách: Ông Phạm Văn Phúc

Ủy viên Hoằng pháp, duyệt giáo lý: Thầy Trí Quang

Ủy viên Nghi lễ: Thượng Tọa Tố Liên

Ủy viên Giáo dục: Thầy Thiện Hòa

Ủy viên Tài chính: Ông Lê Toại

Ủy viên Thanh niên: Ông Võ Đình Cường

Ủy viên Mĩ thuật: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ủy viên Tổ chức: Ông Nguyễn Đóa

Ủy viên Cứu tế xã hội: Ông Phạm Văn Vi

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Ủy viên dự khuyết: Ông Tôn Thất Tùng
Ông Nguyễn Hữu Huỳnh
Ông Đỗ Đình Oánh.

Danh sách Ban Chứng minh Đạo sư (Ban này được Hội thỉnh và suy tôn vĩnh viễn)

Hòa Thượng Thích Mật Ứng - Bắc Việt
Hòa Thượng Thích Tuệ Tạng - Bắc Việt
Hòa Thượng Thích Giác Nhiên – Trung Việt
Hòa Thượng Thích Giác Nguyên – Trung Việt
Hòa Thượng Thích Tuệ Chân – Nam Việt
Hòa Thượng Thích Đạt Thanh – Nam Việt

Các hội viên trong Hội gồm có:

Sáng lập hội viên: Đại biểu của sáu tập đoàn đã dự hội nghị này từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 5 năm 1951 tại chùa Từ Đàm, Huế, đã ký tên trong bản điều lệ và nội quy này.

Danh dự hội viên là những vị của sáu tập đoàn đã sáng lập thành Tổng Hội Phật giáo Việt Nam.

Tăng gia hội viên là những vị xuất gia chân chính.

Ân nghĩa hội viên (công đức hội viên) là những vị đã cúng bất động sản để làm cơ sở cho Tổng hội hay một trong sáu tập đoàn trong Tổng hội.

Tán trợ hội viên: Những vị đã cúng vào Tổng hội số tiền hay vật gì đáng giá từ 500 đồng trở lên.

Thực hành hội viên (chủ trì): Những người tại gia đã quy y Tam bảo, đóng tiền nhập Hội và làm việc cho Hội để thực hành Phật sự.

Thiện tín hội viên: Những người có tín tâm đối với Phật pháp mà không đóng góp gì, chỉ đi lại lễ bái, nghe diễn giảng mà thôi.

Tùy hỷ hội viên: Những thanh thiếu niên Phật tử kể cả nam nữ từ 20 tuổi trở xuống, vào Hội để theo học Phật pháp mà không phải đóng tiền.

Từ hôm khai mạc cho đến hôm bế mạc, Hội nhận được rất nhiều thư từ khắp các nơi gửi tới chúc mừng. Các đoàn thể, các chi hội Phật học Trung Việt cũng cử đại biểu đến chúc mừng đại hội. Ban Tổ chức cũng đưa đại biểu Hội nghị đi tham quan lễ bái các chốn Tổ và danh lam thắng cảnh như chùa Thiên Mụ, chùa Diệu Đế, Nội thành Huế...

THỜI KỲ THỨ SÁU :

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ VIỆT NAM

Có người hỏi: Trong Tổng Hội Phật giáo Việt Nam đã có Tăng già rồi nhất là Viện Tăng thống đã giữ phần tối cao cho toàn thể Phật giáo, cùng chung một tôn chỉ, mục đích là hoằng dương Phật pháp giữ vững tinh thần dân tộc... sao lại còn phải tổ chức Giáo hội Tăng già Việt Nam? Giáo hội với Hội Phật giáo có gì khác đâu?

Đứng về phương diện hội mà nói tức là hiệp hội, các hội liên hiệp lại cùng nhau lập một hội để tiến hành theo chung một mục đích. Đây phải được nhà nước cho phép hay bất giải tán. Hoặc tự những người trong tổ

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

chức hội không muốn liên hiệp cùng nhau nữa, tự động giải tán và chỉ báo lại cho nhà nước là tan hội. Đối với pháp luật không còn gì nữa.

Còn nói về giáo hội: Chỉ có những người thuần túy triệt để tín ngưỡng theo tôn chỉ giáo lý của vị giáo chủ sáng lập ra (thí dụ như đức Phật Thích Ca sáng lập ra Phật giáo), truyền bá giáo pháp của ngài đã chứng ngộ cho chúng sinh nói chung, nói riêng là những người thay ngài trong khi còn tại thế cũng như lúc ngài đã viên tịch để duy trì, truyền bá giáo pháp ấy càng ngày càng sâu rộng và đời đời còn mãi. Vậy phải là những người chân chính xuất gia như các Tăng Ni mới đảm nhiệm được việc đó, cũng như con cái giữ gìn cơ nghiệp của cha mẹ. Còn những người tại gia tu theo Phật pháp chỉ như những người học trò đối với thầy giáo thôi.

Đối với Phật giáo nước nhà, do từ xưa tới nay không có hệ thống tổ chức, tuy có các sơn môn nhưng cũng do đó mà chia môn rẽ phái "Phật pháp đồng, quy củ dị", mỗi nơi mỗi khác không đâu giống đâu, không ai theo ai như đồng cát khô, nếu bị cơn cuồng phong thổi tới là bay hết. Đáng lẽ Phật giáo đối với những việc lợi ích chung cho quần chúng, việc giữ gìn tinh thần dân tộc, không việc gì là không làm được nhưng lâu nay không làm được việc gì đáng kể đối với nhân quần xã hội cũng chỉ vì thiếu tổ chức, thiếu đoàn kết.

Vì những lẽ kể trên nên muốn chấn chỉnh lại cho có quy củ hệ thống, trước hết phải tạm lập thành hiệp hội, liên kết tất cả các Phật tử xuất gia, những người có lòng nghĩ đến nhân tâm thế đạo, đến tiền đồ Phật giáo nước nhà lại, hiệp lực đồng tâm chung lo việc chấn hưng Phật giáo. Trong lúc giới xuất gia chưa có nhiều người đủ tài đức để đảm nhiệm mọi công việc của Phật pháp thì giới tại gia phải tham gia giúp đỡ phần nào trong thời kỳ quá độ thôi. Khi trong giới xuất gia có những người đủ tài đức đứng ra lãnh đạo công việc của Phật giáo, lúc đó các Phật tử tại gia chỉ còn là tín đồ theo thầy học Đạo mà thôi, hội Phật giáo cũng không cần có nữa, chỉ còn có giáo hội Tăng già và tín đồ Phật giáo.

Được chuẩn bị chu đáo về mọi phương diện từ ngày 19 đến ngày 25 tháng 7 năm Nhâm Thìn (8 đến 14 tháng 9 năm 1952), các đại biểu của các Tăng già Bắc, Trung, Nam đã tề tựu về chùa Quán Sứ số 73, phố Quán Sứ, Hà Nội để họp Đại Hội đồng Giáo hội Tăng già Toàn quốc.

Họp suốt bảy ngày, cuối cùng Hội đồng đã thông qua bản quy chế của Giáo hội, suy tôn vị Thượng thủ đứng đầu Giáo hội và bầu ra Tổng Trị sự cùng các chuyên ban để thực hành các công việc giáo hội. Đại ý cương lĩnh, bản nội quy như sau:

A) Danh hiệu, trụ sở, mục đích: Giáo hội lấy tên là Giáo hội Tăng Già Việt Nam, trụ sở đặt ở khắp Bắc Trung Nam tùy theo nơi vị Hòa Thượng Thượng Thủ ở. Mục đích của Giáo hội là:

THÍCH TRÍ HẢI

1. Phụng sự Phật giáo.
2. Chính lý Tăng già theo pháp Lục hòa.
3. Sách tiến Tăng Ni nghiêm trì tịnh giới.
4. Đào tạo Tăng Ni có đủ tài đức để hoàng dương Phật pháp lợi lạc chúng sinh, làm các việc từ thiện, văn hóa, xã hội.

B) Hệ thống tổ chức: Giáo hội gồm tất cả các Tăng Ni chân chính trên toàn quốc Việt Nam. Giáo hội suy tôn lên một vị Thượng thủ, lãnh đạo toàn thể để tiến tới thành lập Viện Tăng thống như trong điều lệ Tổng hội đã nói. Hiện thời tổ chức như sau:

1. Hội đồng Pháp chủ: Hội đồng Pháp chủ gồm ba vị Pháp chủ của ba miền, có nhiệm vụ chứng minh và ủng hộ mọi công việc của vị Thượng thủ cùng ban trị sự. Chức Thượng thủ do Đại Hội đồng suy tôn vĩnh viễn.

2. Hội đồng Tổng Trị sự: Hội đồng Tổng Trị sự gồm: Một Hòa Thượng, một trị sự trưởng, một phó trị sự kiêm tri tạng, một tổng thư ký, một phó thư ký, một thủ quỹ, một trưởng ban giám luật, một trưởng ban nghi lễ, một trưởng ban hoằng pháp, một trưởng ban tăng tịch và ba vị dự khuyết. Các chức vụ trên do đại hội đồng bầu lên và làm việc mỗi khóa hai năm. Còn các tỉnh cho đến quận, huyện trở lên, nếu có đông Tăng Ni thì thành lập ban trị sự để thi hành công việc trong các cấp. Tùy theo công việc bầu ra các ban hợp với nhu cầu của địa phương.

Trong bản quy chế có ghi từng chi tiết cụ thể về chức vụ của mỗi người, mỗi ban cho đến những điều liên quan đến việc cư xử, đối đãi, y phục, ấn tín...

Vị Thượng thủ được suy tôn đầu tiên là Hòa Thượng Tuệ Tạng (Hòa Thượng Côn). Dưới đây là danh sách Ban Tổng Trị sự của Giáo hội Tăng già Việt Nam khóa đầu tiên:

1. Trị Sự Trưởng: Thượng Tọa Trí Hải
2. Trị Sự Phó kiêm Tri tạng: Thầy Tâm Châu
3. Tổng Thư ký: Thượng Tọa Tố Liên
4. Trưởng Thủ quỹ: Thượng Tọa Viên Tu
5. Trưởng Ban Giám luật kiêm Nghi lễ: Thượng Tọa Đôn Hậu
6. Trưởng Ban Giáo Thụ: Thiện Tọa Thiện Hòa
7. Phó Thư ký: Thầy Hải Ninh
8. Trưởng Ban Hoằng pháp: Thầy Thiện Siêu
9. Trưởng Ban Tăng tịch: Thượng Tọa Thanh Tùng

Ba vị dự khuyết: Thượng Tọa Vĩnh Tường
Thượng Tọa Mật Hiền
Thượng Tọa Mật Nguyên

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

Trong suốt thời gian đại hội, từ hôm khai mạc đến hôm bế mạc, đại hội nhận được rất nhiều thư từ điện tín từ khắp Bắc Trung Nam gửi đến chúc mừng và còn có nhiều đại biểu của các đoàn thể Phật giáo cùng Tăng Ni thiện tín tới chúc mừng đại hội.

Thành phần hội nghị gồm: 6 vị Hòa Thượng trong Ban Chứng Minh Đạo sư của Phật giáo Toàn quốc, ba vị Pháp chủ trong ba phần (Bắc, Trung, Nam), ba giáo hội Tăng già của ba phần (mỗi giáo hội có bốn đại biểu), hai đại biểu của Tổng hội Phật giáo Toàn quốc, các vị trong Hội đồng Pháp chủ, Ban Trị sự Tăng già Bắc Việt cùng các vị trị sự trưởng của Tăng già Bắc Việt ở các tỉnh đều được mời về dự hội nghị. Ngoài ra còn có đại biểu của các hội Phật giáo, Phật học trong cả ba phần được mời về dự hội nghị nhưng chỉ tham dự với tư cách quan sát viên, khi biểu quyết chỉ có các Hòa Thượng, Thượng Tọa đại biểu chính thức mới được quyền biểu quyết.

Trong thời gian đại hội, vào những buổi nghỉ họp, ban tổ chức đều đưa các đại biểu đi tham quan những nơi danh lam thắng tích trong và ngoài Hà Nội. Có các chùa như Châu Long, Hai Bà, chùa Am và cá nhân cư sĩ như ông Nguyễn Huy Xương đã thiết trai cúng dường các đại biểu.

Những việc Giáo hội đã làm sau khi thành lập

- 1) Công nhận Ban chấp hành của Hội Phật giáo Thế giới tại Việt nam.
- 2) Cử đại biểu Phật giáo Việt Nam sang Nhật Bản dự Đại hội đại biểu Phật giáo Thế giới khóa hai.
- 3) Can thiệp với chính quyền cho bãi bỏ việc bắt các sư từ 18 đến 45 tuổi phải tòng quân. Việc này được kết quả ngay.
- 4) Cử các sư thanh niên xuất dương du học nước ngoài như sau: Bốn người sang Nhật Bản: Thầy Tâm Giác, Chân Từ (Thanh Kiếm) ở Bắc; Thầy Thiên Ân ở Trung; Thầy Nhật Liên ở Nam. Các vị đi Ấn Độ: Thầy Minh Châu, Trí Không (ở Trung); Thầy Phúc Tuệ, Quảng Độ (ở Bắc).

Còn các công việc khác thì từng phần được tiến hành tốt đẹp tại các địa phương.

Dưới đây lại nói thêm về công việc riêng của Phật giáo ở miền Bắc

Giữa năm 1953, khi tôi còn làm Trưởng Ban hưng công xây dựng trường Vạn Hạnh và kiến thiết chùa Hàm Long, Hà Nội của giáo hội Tăng già Bắc Việt, đã làm xong được phần lớn trường học, tiếp đến việc làm chùa mà tiền thì chưa có ngay. Cả việc xây trường học, Hội cũng chỉ giao cho ban chúng tôi một tờ biên bản với tất cả công việc mà không giao một đồng tiền nào.

Trong thời gian trên dưới sáu tháng chúng tôi đã làm được công việc như đã nói ở trên (xin xem phần Trường Vạn Hạnh), đã chi tiêu hết hơn 1.000.000 đồng Đông Dương. Số tiền này nhờ thập phương Tăng Ni thiện tín phát tâm ủng hộ cùng sự đóng góp của Ban Ưu bà di học Phật. Ngoài ra chúng tôi còn mượn tạm của Phật tử cùng mua chui nguyên liệu để làm mà bây giờ chưa thanh toán được.

Chùa Phật giáo Hải Phòng

Việc làm giảng đường và trường học của chi hội Phật giáo Hải Phòng được đề xướng từ năm 1952, dự trù làm một ngôi chánh điện để lễ bái, giảng đường để diễn giảng và phòng làm việc của Hội. Ngoài ra còn có trường học để mở trường theo chương trình nhà nước. Dự chi khoảng 2.00.000 đồng Đông Dương. Công việc còn đang trong thời kỳ dự định thì Chi hội Trưởng là ông Thanh Phương mất, Chi hội lại bầu ông Tô Văn Lượng lên làm Chi hội Trưởng để tiến hành công việc. Đã chuẩn bị được một số tiền và mua được một số vật liệu nhưng mãi đến năm 1953 vẫn chưa làm được. Tới khi Hiệp định Genève (1954) ký kết, hòa bình được lập lại, quân Pháp rút lui, đất nước bị tạm chia hai miền Nam Bắc, nhiều người dao động, hoang mang, sinh ra cảnh kẻ ở người đi bổi rổi. Tiền của Chi hội cũng chỉ còn mấy vạn để ở nhà băng. Nếu không lấy ra thì nhà băng sẽ chuyển vào Nam, mà lấy ra thì không biết ai ở lại mà giao cho giữ. Khởi công làm thì trong hội viên không ai dám đứng ra đảm nhiệm. Thỉnh các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa trong địa phương thì vị nào cũng bận công việc của chùa, đều từ chối. Thỉnh mãi không được, Chi hội yêu cầu Trung ương cử người xuống chủ trương, trông coi giúp với các hội viên trong việc xây cất. Trung ương cử mãi không được ai. Cuối cùng lại ủy tôi xuống trông coi giúp.

Bây giờ vào khoảng tháng 7, 8 âm lịch, đang giữa mùa mưa. Tôi vẫn đi lại xem xét các công việc, hội họp, bàn bạc để tiến hành. Hỏi đến tiền quỹ thì Hội cho biết chỉ còn chín vạn để trong nhà băng và tiền mặt còn mấy nghìn đồng; vật liệu thì còn 400 bao xi măng với một số sắt, 500 tấm tôn xi măng. Chỉ có thế thôi. Ngoài ra vôi, gạch, cát... chưa có. Nếu không làm thì tan nát hết, lòng người cũng chán nản.

Tôi bàn với hội: Hiện nay có hai cách làm. Một là làm theo như kiểu mẫu đã vẽ: Hai tầng có cả trường học, có đến đâu làm đến đó hay làm có lấy một tầng rồi sau có sẽ làm tiếp. Hai là bỏ kiểu cũ làm kiểu khác: Chỉ làm một tầng, làm xong sớm để lấy chùa cúng Tết Nguyên Đán. Tôi hứa Tết tới tôi cũng sẽ ở đây cùng các vị. Tuy nói làm rút lại nhưng không làm nhỏ lại, chỉ bớt đi một tầng và làm cao lên còn diện tích vẫn theo kiểu trước (400 m²). Ngoài số vật liệu và tiền đã có, còn thiếu khoảng 400.000 đồng nữa mới có thể làm được. Tôi đề nghị các đạo hữu trong hội, vị nào có khả năng có thể cho mượn, khi nào xây xong chùa sẽ hoàn trả lại. Chỉ cần ít nhất là một hai người hay ba bốn người cho mượn tạm

HỘI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

thì có thể xây xong chùa trong một thời gian ngắn. Cũng có người nói: Dù có tiền cũng không thể làm từ nay đến Tết xong được, đến làm chùa giấy cũng không xong vì trời mưa như tầm tã biết đến bao giờ tạnh mà làm. Bàn đi bàn lại, mỗi người một ý, cuối cùng đều đồng ý xây một tầng. Số tiền thiếu bao nhiêu thì bà Vĩnh Phát Tường và bà đồng Đền Nghè (Nguyễn Thị Nam) cho mượn.

Kiến trúc sư ở Hải Phòng lúc bấy giờ không còn ai. Chúng tôi tự phát họa thành sơ đồ rồi cùng bvàn bạc với các hội viên. Sau đó, cho thợ y theo đó mà làm. Bấy giờ là cuối tháng 8 sang đầu tháng 9 âm lịch mà trời vẫn còn mưa. Phải mượn máy bơm nước của Sở Công chánh về bơm nước để đào móng đóng cọc nhưng cũng không được. Sau cùng phải đào đến đâu đổ bê tông xây ngay đến đó. Kết quả, ngày 30 tháng 11 âm lịch năm Giáp Ngọ (1954) làm xong một ngôi chùa toàn bằng xi măng và cũng là ngày thanh toán được hết công thợ (vừa đúng 3 tháng). Chùa có nền cao 1 mét, rộng 400 m², lát toàn gạch hoa, lại sắm sửa được đầy đủ tượng pháp và đồ thờ. Bắt đầu từ ngày mùng 1 tháng Chạp âm lịch năm ấy sửa soạn trng trí và đúng ngày mùng 8 tháng Chạp, ngày Đức Thích Ca thành đạo làm lễ khánh thành. Làm được một ngôi chùa mới, tất cả các tín đồ Phật giáo ở Hải Phòng ai nấy đều phấn khởi, vui mừng. Có nhiều người nông nổi nghe người khác tuyên truyền rằng sau này sẽ không còn tôn giáo nữa nên đã sửa soạn vào Nam nhưng khi thấy hội vẫn làm chùa, họ cho những lời tuyên truyền kia là giả dối, không những không đi vào Nam mà còn rù nhau ở lại và phát tâm cúng tiền vào việc làm chùa. Do đó, sau khi khánh thành chùa, hội thanh toán được số tiền mượn của các hội viên.

Xây chùa xong còn thừa 15 tấn sắt. Lúc Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về tiếp quản Hải Phòng, số sắt này bán cho Chính phủ được hơn sáu triệu đồng (bây giờ là 6.000\$). Lam xong chùa, dự lễ khánh thành và nghỉ Tết xong tôi lại trở về Hà Nội. Ở đây, Hội lại thỉnh các Hòa Thượng chư Tăng địa phương cử các sư đến trông coi chủ trương mọi việc trong chùa nhưng chưa có ai nên Chi hội lại yêu cầu Trung ương cử tôi xuống trông coi giúp đỡ công việc chùa. Tất cả các công việc của Hội từ Trung ương đến địa phương về văn hóa, xã hội vẫn được tiến hành bình thường cho đến khi hòa bình được lập lại, tất cả các tổ chức Phật giáo trước đều được hợp lại thành Hội Phật giáo Việt Nam. Đến đây, tổng số hội viên đã gần một triệu với hơn 300 chi hội trên toàn miền Bắc. Có chi hội làm chùa quán riêng như Hải Phòng, Nam Định, Kiến An, Uông Bí, Mỹ Hào, Yên Bái...

KẾT LUẬN

Kể từ lúc phôi thai (1924) đến khi Hội Phật giáo Việt Nam hòa hợp vào, lập thành Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (1958) trải qua thời gian 35 năm với những sự việc kể trên mà chính tôi được tham gia hoạt động cùng là mắt thấy tai nghe. Thuận lợi dễ dàng cũng nhiều mà trắc trở khó khăn cũng lắm. Ngay lúc đầu vừa khởi xướng đã có nhiều người cho là viễn vông không thềm để ý tới nên chúng tôi phải chạy ngược chạy xuôi suốt sáu năm mà vẫn không thu được kết quả nào. Lúc đứng ra thành lập Lục hòa tịnh lữ cũng chỉ có vốn vụn có mấy người còn làm tiểu với nhau, tiền không làm gì ra, phải bòn nhặt từng xu suốt năm mới góp nổi 5 đồng. Việc làm còn bở ngỡ nên có nhiều người cho là hội trẻ con, hội chấp tác và cũng có người cho là vắt mũi chưa sạch cũng học đòi...

Theo đuổi công việc lập hội lần đầu bị thất bại. Chuyển sang lập Phật học tùng thư thì tài non sức yếu, tiền không có. Sách in ra phát không mà tiền in vẫn phải trả trước một phần, khi lấy sách về phải trả đủ. Lúc đem kinh sách đi phát, ai đưa lại cho được đồng nào lại phải in tên người ấy vào

cuốn sau mà tiền thì phần nhiều chi vào lộ phí hết. Trong thời gian này, vào các chùa còn bị coi bằng con mắt chán ghét, lạnh nhạt nên thường phải ăn nghỉ ở nhà Phật tử tại gia như nhà ông Kha chẳng hạn. Lúc bắt đầu nhận chùa Quán Sứ cũng chẳng có gì. Chùa chiền, nhà cửa bị hư hỏng mục nát còn các thứ đồ dùng sư thầy dọn về bên Bắc hết. Hôm lễ nhập tự, tôi và sư ông Tâm Giác cả hai người chỉ có 1 đồng làm lộ phí. Đi từ chùa Mai Xá, huyện Lý Nhân, Hà Nam lên hết sáu hào còn được có bốn hào làm vốn liếng ở chùa. Ngay sau khi Hội Phật giáo được thành lập, báo Đuốc Tuệ ra đời thì bên chùa Bà Đá lập thành Cô Sơn Môn, xuất bản báo Tiếng Chuông Sớm do Nguyễn Mạnh Bông phụ bút để đối lập...

Bên đạo khác có người ra cuốn *Chân giả luận* và loại sách Phục Phật xích đạo dèm pha, công kích Phật giáo. Lợi hại nhất là Phạm Tá, chủ hiệu nhuôm ở Hà Nội, vào hẳn làm hội viên trong Hội, mặc áo thụng, ăn chay, ngày đêm niệm Phật 100 tràng (10.800 câu Nam Mô A Di Đà Phật), được những người thiếu ý thức cho là mộ đạo lắm nên lên vận động với Hội cho ông ta đứng ra thành lập hội thanh niên Phật giáo để đi cu roa thực dân Pháp. Không lợi dụng được, ông ta liền bỏ Phật giáo, quay ra dựa vào người Pháp lập ra Hội Phật tử ở chùa Hòe Nhại, lôi cuốn một số thiện tín cùng các sư nhẹ dạ theo, làm cho nội bộ Phật giáo sinh ra mâu thuẫn, lung củng, bất hòa, chia rẽ nhau.

Lúc tản cư về hậu phương, trong thời gian chiến tranh, tôi có tổ chức lập nên mấy nơi để giúp đỡ các em mồ côi và những em mất liên lạc với gia đình, bị bơ vơ. Lại có một số người đến chùa nói với các sư là: "Đừng ủng hộ viện cô nhi, cứ để cho thầy trò Trí Hải chết!".

Việc thỉnh Đại Tạng Kinh, ngay lúc lập Phật học tùng thư (1932), chúng tôi đã trù bị, vận động, giao thiệp nhờ người thỉnh ở Trung Quốc nhưng không được. Sau này, khi Hòa Thượng Vĩnh Nghiêm lên ngôi vị Thuyền gia Pháp chủ, chúng tôi lại vận động mấy vị Tăng và mấy ông cư sĩ bạch Hòa Thượng, xin ngài đứng ra chủ trương cho phép thỉnh Đại Tạng Kinh và mở rộng nhà in có đủ cả chữ Hán và in Kinh sách khối phải khắc ván. Được Hòa Thượng chấp thuận và ủy thác cho Hòa Thượng Tế Cát, Thượng Tọa Thái Hòa và tôi thay ngài làm việc này nhưng cũng lại bị nhiều vị khác cho là việc làm chùa Quán Sứ còn cần hơn. Chưa có chùa, thỉnh Kinh để đâu. Do đó, việc này không tiến hành được.

Khi quân Nhật Bản chiếm Đông Dương, tôi lại đưa tiền cho ông Lê Dư, nhờ đại sứ Nhật Bản thỉnh giúp ở Nhật. Ngoài ra, Nhật cũng hứa tặng cho Hội một bộ Đại Tạng. Kinh chưa nhận được thì quân Nhật đầu hàng, phải về nước. Số tiền gửi cũng bị mất theo. Mãi tới năm 1950, tôi về Hà Nội vận động và giao thiệp mãi mới thỉnh được bộ *Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh*. Toàn bộ đóng thành 100 tập, nội dung có 2.920 bộ kinh sách khác nhau. Bộ ít nhất là một quyển, bộ nhiều nhất là 600 quyển,

THÍCH TRÍ HẢI

cộng tất cả hơn hai vạn quyển, đầy đủ tất cả các kinh, luật và luận. Phí tổn đưa về tới chùa Quán Sứ, Hà Nội hết hơn hai vạn đồng Đông Dương.

Vượt qua những trở ngại khó khăn để đạt tới kết quả như ý nếu không có chí kiên trì và lòng dũng cảm sẽ không thể nào đưa tới thành công được. Với việc chấn hưng Phật giáo, nếu được tất cả các hàng Phật tử đều cùng chung sức chung lòng theo đúng tinh thần từ, bi, hỷ xả, trí tuệ, tinh tiến, nhẫn nhục, đem hết khả năng ra làm những việc lợi người lợi mình sẽ xây dựng thành nền "Nhân gian Phật giáo" hầu mong cải tạo, tiêu trừ hết những tính tham lam, ganh ghét, thù hằn, ngu si, ích kỉ của mọi người đi, đem lại bình đẳng thương yêu đối với tất cả chúng sinh trên thế giới, coi nhau là anh em ruột thịt, đền cửa Phật như con một nhà, thấy người khác bị đau khổ tưởng như chính mình bị đau khổ, thấy người khác sung sướng coi như chính mình được sung sướng. Lúc đó nhân loại sẽ không còn tiếng kêu rên than khóc, sẽ không còn ai phải trông thấy những cảnh tương tàn thảm khốc, đau thương tang tóc nữa. Lúc đó chỉ còn những người ra công bồi đắp xây dựng cho toàn thế giới này trở thành cảnh Thiên đường, Cực lạc ở ngay trên quả đất này, để đời đời cùng nhau hưởng chung hạnh phúc.

Muốn sẽ được, làm sẽ thấy. Nhưng chỉ ngày nào mà ý nghĩ, lời nói và việc làm của tất cả nhân loại trên thế giới cùng nghĩ như Phật nghĩ, nói như Phật nói, làm đúng như việc Phật làm thì ngày ấy thế giới này mới trở thành thế giới Phật tức thế giới Cực lạc ở ngay đây.

Đây chính là nguồn gốc lý tưởng của tất cả Hàng hà sa số chư Phật xuất hiện ra đời. Tất cả các ngài đều cùng chung một mục đích ấy. Mục đích muốn làm cho chúng sinh đều cùng sung sướng đời đời.

Viết xong ngày 19/5 Ất Tị (1965)
Sa môn Trí Hải
Chùa Phật giáo - Hải Phòng

NHÂN DUYÊN XUẤT GIA

Quê tôi ở xã Hải Trung (Quần Phương Trung), huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà (Nam Định). Thân phụ là Đoàn Văn Đích tự Phúc Thực, thân mẫu là Nguyễn Thị Tuất hiệu Diệu Mậu chuyên nghề làm ruộng và dệt vải.

Tôi, Đoàn Văn Tảo sinh năm 1906 đúng giờ Mậu Dần ngày Ất Mão (19) tháng Giáp Ngọ (Năm) năm Bính Ngọ. Dưới tôi còn có hai người em gái. Vì cảnh nhà nghèo không có ruộng đất nên mãi đến năm 12 tuổi tôi mới được đi học chữ Nho ở ngay chùa bản quán. Chùa này bấy giờ rất thịnh vượng, ruộng có tới gần 30 mẫu, đình đám cúng lễ rất sầm uất, có đông các sư ở nên đón thầy đồ về dạy học thêm cho các sư chú, sư bác và cho cả con em dân làng ra học. Vì nhân duyên trên mà tôi được thân cận chư

Tăng. Hằng ngày, ngoài thời giờ học tập ra, tôi thường theo dõi các khóa lễ cúng, tụng niệm, rồi thấy vui mà lân la. Tôi cũng học Đạo, đọc tụng theo. Có nhiều bài thông thường đã trở nên thuộc lòng bao giờ không biết, dần dà am hiểu theo với các Sư chú, Sư bác, cả đến khóa tụng và khóa cúng... sinh ra mến cảnh chùa, cảm thấy ở đời chỉ có các vị xuất gia là giải thoát nhất: quan bất phiền, dân bất nhiễu. Tôi có bốn câu cảm hoài như sau:

"Chữ phiền phó mặc khách trần gian
Nhờ Phật quanh năm một chữ nhân
Đền sách sẵn sàng, com áo đủ
Để ai quấy nhiễu, để ai ghen."

Năm tôi 17 tuổi, nhân có Sư cụ Phạm Thanh Dương xuất gia ở Hà Nam (hiện nay trụ trì chùa Phú Tư, huyện Lý Nhân, Hà Nam), cũng là người Hải Trung, về thăm quê, nghỉ ở chùa. Có một hôm, Sư cụ hỏi tôi:

- Cháu có muốn xuất gia không?
- Dạ có, cháu cũng muốn đi nhưng chưa biết đi đâu.
- Còn phải đi đâu nữa? Ở ngày chùa nhà có hơn không?
- Cháu thấy không tiện vì Sư cụ bản tự ở đây là em con chú với thầy ở nhà, vậy là chỗ con cháu. Cháu thấy ở đây đối với các sư không tiện, hơn nữa gần nhà có khi cũng không tốt.
- Cháu muốn đi xa thì tôi đưa lên Hà Nam ở với các sư, quý lắm. Nếu đồng ý thì về hỏi thầy mẹ ở nhà xem có bằng lòng cho đi hay không mới được.

Tôi về thưa với phụ mẫu thì cha mẹ không ai bằng lòng với lý do tuy sinh được ba con nhưng chỉ có mình tôi là con trai. Tôi thưa: "Cha mẹ đã sinh ra con thì dù con ở nhà hay xuất gia cũng vẫn là con của cha mẹ. Có phải đi xuất gia là mất đâu? Xem ngay ở xã nhà, không nhà nào, xóm nào là không có người xuất gia làm Tăng hay Ni. Hiện nay có hàng trăm vị. Ngay trong họ nhà, ở trên như cụ Hòa Thượng Phổ Tự, trụ trì chùa Tuế Xuyên, huyện Lý Nhân, Hà Nam, trong giới Phật giáo không đâu là không nghe tiếng ngài. Dân xã nhà có việc thỉnh ngài về làm lễ thì đón rước long trọng như thế nào chắc chán thầy mẹ hãy còn nhớ; ở dưới thì có Sư cụ trụ trì chùa xã nhà, hiện nay có bao nhiêu sư ở với Cụ. Như thế có phải đi xuất gia là mất đâu? Con thấy các vị ấy đi được, tu được thì con cũng có thể theo được. Xin thầy mẹ cho con đi. Nếu con ở nhà mà không may con có thể nào, thầy mẹ coi như không có con. Lúc ấy càng phiền não khổ sở hơn. Xin thầy mẹ cứ vui lòng cho con đi. Con sẽ theo kịp với các sư, xin thầy mẹ đừng ngại.". Cuối cùng thầy mẹ cũng hoan hỷ cho tôi đi.

Hôm ấy là ngày 27 tháng 9 năm Nhâm Tuất (1922), Tôi đi theo Sư cụ Thanh Dương. Cụ còn đưa đi chơi nhiều nơi nên mãi đến một tháng sau,

HỒI KÝ THÀNH LẬP HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO

ngày 27 tháng 10 mới về tới chùa Mai Xá, huyện Lý Nhân, Hà Nam. Sư cụ Trụ trì bấy giờ là Thích Thông Dũng, đệ tử Hòa Thượng Phổ Trinh ở chùa Lương Khô cùng huyện, là anh nhà chùa Sư cụ Thanh Dương. Sư cụ Thanh Dương đưa tôi tới, xin cho tôi làm đệ tử. Cụ rất hoan hỉ. Hồi thăm quê quán cùng sự học hành xong. Cụ vui lòng nhận ngay.

Ngày 1 tháng 11, Sư cụ làm lễ tế phát cho tôi thành người xuất gia. Về phần nghi thức tụng niệm hằng ngày tôi đã học cũng gần đầy đủ, theo kịp với các sư nên ngày 1 tháng 12 năm ấy, ở chốn Tổ Tê Xuyên có đàn giới, Sư cụ cho tôi thọ giới Sa di (Sư bác). Sư cụ cũng hết lòng phù trì, dạy bảo, cho tôi luôn được đi học, đi nhập Hạ theo với chư tăng, không nghĩ khóa nào.

Ngày 21 tháng 8 năm Ất Sửu (1925), Sư cụ đứng ra tổ chức Đàn giới cho tất cả các sư sơ tiến thụ giới, tôi cũng lại được thụ giới vào Đàn giới này. Tất cả Tăng Ni có hơn 30 vị, tôi được đứng đầu. Đúng giờ Tuất hôm ấy, tôi được đăng đàn thụ giới Tỳ Khiêu.

Hòa Thượng Phổ Tụ trụ trì chùa Tế Xuyên bấy giờ đã hơn 80 tuổi, ngài lên làm Hòa Thượng truyền giới cho Đàn giới này lần cuối cùng. Ngày 17 tháng 8 năm sau tức năm Bính Dần (1926) ngài thị tịch tại nhà của người mà thân phụ của tôi gọi bằng bác.

Thụ giới xong tôi vẫn tiếp tục đi học và đi Hạ. Tính đến nay tôi vừa 60 tuổi đã đi được 29 Hạ.

Ngày 15 tháng Chạp năm Canh Ngọ (1930), tôi bắt đầu ra trụ trì chùa Phú Đa, xã Yên Lập, huyện Bình Lục, Hà Nam. Sang năm Tân Mùi (1931), Sư cụ thầy tôi ở chùa Mai Xá viên tịch nên tôi lại trở về trông coi chùa Mai Xá. Năm ấy tôi có thỉnh chư Tăng Ni về Hạ để hồi hướng cho Sư cụ tôi. Năm Giáp Tuất (1934) tôi lên ở chùa Quán Sứ, Hà Nội để lo công việc Giáo hội... Thời gian kế tiếp đã được ghi trong quyển *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*. Nay ghi lại đây để nhớ từ hồi còn nhỏ.

Trí Hải tự thuật

Ai cảm

Kính dâng Giác linh Tôn sư
thùy từ chứng giám

*Trông vời miền Bắc lệ tuôn rơi !
Đau xót lòng con, nói nghẹn lời !
Óc thâm ân sâu in mỗi lớp.
Tìm đeo nghĩa nặng nhịp từng hơi.
Chia ly tê tái tình khôn tả !...
Xum họp mừng vui dạ chả nguôi !...
Ngàn Giác Cha lành – ôi ! - nhẹ bước !
Lời vàng vãng vãng vẫn bên tai.*

Pháp tử Thích Quảng Thạc
10.6. Kỷ Mùi (1979)

(Ngày 7 tháng 6 năm Kỷ Mùi (30.6.1979) Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Hải thị tịch tại chùa Phật giáo, Hải Phòng, hưởng thọ 74 tuổi. Pháp tử của ngài là cố Hòa Thượng Thích Quảng Thạc đã làm bài *Ai cảm* này để dâng lên Hòa Thượng Tôn sư.

HẾT

Chân thành cảm ơn Phúc Thiện Trần Đình Hùng đã gửi cho phiên bản vi tính này.